

Pháp. Chính vì lẽ đó mà Le Cygne bị đóng cửa, rút giấy phép vĩnh viễn, Thực dân Pháp kết án ông là thành phần bất hảo, nguy hiểm cho Chính-phủ Bảo-hộ, và ghép vào tội « phá rối trị an và phá hoại nền an ninh quốc gia ». Kết quả : ông bị tòa án thực dân tuyên phạt 6 tháng tù và 3000 quan tiền phạt.

Mãn tù, năm 1939, thế chiến thứ hai bùng nổ, Pháp thất trận, quân Nhật chiếm Việt-nam ; không thua gì Pháp. Nhật-bản đặt chế độ quân phiệt độc tài cai trị ; Nguyễn Vỹ quay lại tranh đấu chống Nhật. ông dùng ngòi bút — một khi giới thiệu đời của kẻ sĩ — cho xuất bản hai quyển sách chống chế độ quân phiệt: Nhật-bản, đó là :

— Kẻ thù là Nhật-bản.

— Cái họa Nhật-bản.

Lần này cũng như lần trước, Nguyễn Vỹ bị quân Nhật bắt giam tại ngục Trù-kê (sau này trong tạp chí Phổ thông bộ mới, Nguyễn Vỹ có kể lại những ngày sống trong ngục Trù-kê với tựa bài « Người tù 69 »).

Năm 1945, thế chiến thứ hai chấm dứt, Nguyễn Vỹ ra khỏi tù. sáng lập tờ báo Tờ quốc tại Sài-gòn, trong ấy có những bài công kích chính quyền đương thời nên chỉ ít lâu sau, báo Tờ quốc bị đóng cửa.

Sau đấy, Nguyễn Vỹ lại cho ra đời tờ Dân chủ xuất bản ở Đà-lạt, chống chính sách quân chủ lập hiến của Bảo-Đại. Sống chẳng bao lâu, báo Dân chủ cũng chung số phận với báo Tờ quốc.

Đến năm 1952, một nhật báo khác cũng do Nguyễn Vỹ chủ trương là tờ Dân ta, ra đời để rồi sống chỉ được một thời gian, cuối cùng cũng bị đóng cửa như các tờ báo trước của ông.

Mãi đến năm 1958, ông đứng ra chủ trương bán nguyệt san Phổ-thông, chú trọng về nghệ thuật và văn học, hiện nay tạp chí này được kể là có nhiều uy tín đối với làng báo miền Nam.

Năm 1963, sau khi cuộc cách mạng thành công ngày 11 tháng 11 năm 1963, nhằm lật đổ chế độ gia đình trị của Ngô-

NGUYỄN VỸ

N GUYỄN VỸ sinh năm 1912 tại làng Tân-hội (sau đổi là Tân-phong, năm 1945 lại đổi là Phồ-phong), huyện Đức-phổ, tỉnh Quảng-ngãi (Trung-phần).

Ông đã từng theo học tại trường Trung-học Pháp-Việt ở Qui-nhơn 1924-1927, rồi phải gián đoạn vì tham gia các cuộc vận động chống thực dân, sau đó ông ra Bắc theo học ban tú tài tại Hà-nội.

Năm 1934, ông xuất bản tập thơ đầu tiên, gồm độ 30 bài thơ Việt và thơ Pháp. Từ đó ông cộng tác với các báo chính trị và văn nghệ ở Hà-nội. Năm 1937, Nguyễn Vỹ sáng lập tờ báo Việt Pháp lấy tên Le Cygne tức Bạch Nga. Báo này ngoài Nguyễn Vỹ còn có nhà văn tên tuổi Trương-Từ cộng tác. Le Cygne là cơ quan cách mạng, chính trị, xã hội, văn nghệ. Trên báo này Nguyễn Vỹ có viết nhiều bài công kích Chính-phủ Bảo-hộ, chỉ trích đường lối cai trị của thực dân

đình-Diệm, Nguyễn-Vỹ được Hội-đồng Quân-nhân Cách-mạng mời tham gia Hội-đồng Nhân-sĩ Quốc-gia với tính cách trọng tài và cố vấn cho chính quyền đương thời, nhưng chỉ ít lâu sau ông rút lui. Trong khoảng thời gian này ông được phép tái bản nhật báo Dân ta (bộ mới) nhưng đến năm 1965 cũng lại bị đóng cửa và từ đó tới nay (1967) Nguyễn Vỹ chỉ còn chủ trương tạp chí Phồ-thông mà thôi.

Vào giữa năm 1962, Nguyễn Vỹ cho xuất bản tập thơ Hoang vu.

Về tác phẩm của Nguyễn Vỹ gồm có :

- Tập thơ đầu (cả Việt lẫn Pháp) xuất bản năm 1934 tại Hà-nội.
- Grandeurs et servitudes de Nguyễn văn Nguyên xuất bản năm 1937, Hà-nội.
- Đứa con hoang (tiểu thuyết) xuất bản 1937, Hà-nội.
- Kẻ thù là Nhật-bản (biên khảo) xuất bản năm 1947, Hà-nội.
- Cái họa Nhật-bản (biên khảo) xuất bản năm 1947, Hà-nội.
- Devant le drame franco — vietnamien xuất bản năm 1947, Sài-gòn.
- Hai thiêng liêng (tiểu thuyết) xuất bản năm 1956, Sài-gòn.
- Chiếc áo cưới màu hồng (tiểu thuyết) xuất bản năm 1956.
- Giấy bí rợ (tiểu thuyết) xuất bản năm 1956.
- Hoang-vu (thơ) xuất bản năm 1962.
- Mồ hôi nước mắt (tiểu thuyết) xuất bản năm 1966.

và đang dự định xuất bản :

- Thơ lên ruột (gồm những bài thơ trào phúng về thể sự đã đăng trên tạp chí Phồ thông và nhật báo Dân ta).
- Lội ngược (tiểu thuyết).
- Người tù 69 (hồi ký).
- Tuấn, chàng trai nước Việt (biên khảo), v.v...

Năm 1964, trong tạp chí Phồ thông, Nguyễn Vỹ mở lại mục thơ Tao đàn Bạch Nga — một lối thơ mà Nguyễn Vỹ trước đây đã bị một số người chống đối.

Ngoài ra, Nguyễn Vỹ còn viết nhiều bài báo thuộc văn học, nghệ thuật, khoa học trên tạp chí Phồ thông cũng như vài báo khác ở Thủ-đô mang nhiều bút hiệu khác nhau : Diệu-Huyền, Tân-Phong, Tân-Trí.



N GUYỄN VỸ góp mặt vào làng thơ tiền chiến từ năm 1934, thời kỳ thơ mới đang hồi phát triển mạnh mẽ.

Trong giai đoạn này, phân đông thi sĩ thường đem khung cảnh làng mạn vào thi ca, lấy chuyện tình ái làm đề tài, hay nói cách khác, đa số thi nhân đều lấy tình yêu làm bối cảnh và nguyên động lực chính cho đường hướng sáng tác của mình. Tuy nhiên, cũng có thi nhân hướng neo đi của mình về chủ đề mới lạ : một Nguyễn Nhược Pháp trong sáng, dí dỏm, một Vũ đình Liên hoài vọng, tiếc thương. Cùng ngược thời gian thật xa xôi về nguyên thủy, Nguyễn Nhược Pháp tự cái thuở « rừng núi còn vang um tiếng thần » ; Vũ đình Liên thuở thành quách còn kiêu hùng, vững chãi, những nếp áo châu còn ngự trị dân gian, thi nhân tìm về đề khơi ngòi lại mạch thơ cũ ; một Nguyễn-Bính len lỏi trong tâm hồn của những nàng con gái mộc mạc ở thôn quê khi đứng trước cảnh khổ đau, ngăn cách, chia ly; Bằng bá Lân, Đoàn văn Cừ, Anh-Thơ lại dẫn ta quay về nguồn cội bảo thủ những tập tục truyền thống, những cảnh trí nghìn đời của bờ tre, ruộng lúa ; hay như một Chế Lan-Viên lấy cảnh đầu lâu, xương trắng, sọ người tạo ra không khí vêu ma quái để nhắc nhở cảnh điêu tàn của một dân tộc

gặp phải bước suy vi, thì một Nguyễn Vỹ làm thơ với một tâm hồn phức tạp, kết tinh bằng những gì uất ức, căm hờn, chua chát... Có thể nói Nguyễn Vỹ là nhà thơ không lấy tình yêu làm đối tượng, vì thế Nguyễn Vỹ có đường nét độc đáo riêng biệt.

Đọc Nguyễn Vỹ người ta cảm nhận điều gì mỉa mai, chua chát hơn là ca tụng cảnh trời cao, biển rộng, sông dài. Tiếng thơ của Nguyễn Vỹ là sự tức tối như muốn phá vỡ cái gì trong hiện tại đang bị dồn ép, uất ức để nói lên nỗi thống khổ của kiếp người.

Sau tiếng gầm gừ khát máu của chiếc máy chém đã lấy đầu 13 liệt sĩ Yên-bái ngày 17-6-1930 để dập tắt phong trào cách mạng quần chúng đang quật khởi. Năm 1932, với trào lưu tư tưởng mới, tiếng ru ngủ của thần Ái-tình trong thi ca là khúc nhạc lý tưởng trong chính sách thực dân. Chế độ kiểm duyệt lúc bấy giờ nhắm mắt trước những lời ca tụng ái tình, cho tự do phát triển cao trào lãng mạn với thâm ý làm xao nhãng tâm hồn và ý chí của dân tộc thuộc địa xa dần tư tưởng cách mạng. Phong trào khoẻ do Ducoroy chủ xướng dưới thời toàn quyền Decoux vào khoảng năm 1940-1941 là ngọn đèn bời của thực dân cũng vì mục đích trên. Nó có tác dụng mạnh mẽ hơn súng đạn, gông cùm. Con người văn nghệ chỉ được bỏ ngổ và phải uốn mình chu tuần theo nàng Ly-tao Tình-ái, vì tiếng khua động đe dọa của máy chém, tiếng loảng xoảng của xiềng xích như còn vang dội đầu dây. Tuy nhiên, truyền thống bất khuất của dân tộc vẫn còn ẩn náu trong tiềm thức. Khốn thay! Sự kiểm soát chặt chẽ văn thơ của thực dân đã bịt mồm, chẹn họng những con người muốn nói, dù là tiếng nói của sự thực. Sự khùng bố tình thần trong văn giới đã khiến nhiều hồn thơ đành chôn chặt tiếng lòng, dù cố gắng phơi bày trên trang thơ nét chữ, rồi cuộc cũng bị coi như những mảnh giấy lộn trong sọt rác như bài *Hồn nam nhi* của Phan khắc Khoan; Chế Lan-Viên trá hình núp lén tiếng lòng trong cái sâu vong quốc của một dân tộc Chàm bé nhỏ; Thế-Lữ thì vẽ lên người chinh phu

trường giả để che đậy; Nguyễn văn Cồn nói lên niềm yêu nước xa xôi, kín đáo trong bài *Bèo mây*. Nguyễn Vỹ cũng là hồn thơ nặng chất chứa, trong một lúc say, bạo gan phá vỡ cấm điều để nói lên niềm ăn uất trong bài *Gửi Trương-Từu. Thi nhân Việt-nam* của Hoài - Thanh — Hoài - Chân ở phần thi tuyên về Nguyễn Vỹ đã ghi lại thi bản này, song bị cắt xén 15 câu khiến bài thơ mất ý tưởng cốt tủy. Hôm nay, chúng tôi xin bổ khuyết những gì mà thực dân đã cấm Nguyễn Vỹ nói. Trong lúc say, Nguyễn Vỹ muốn:

« Chửi Đông, chửi Tây (1), chửi tất cả.

Cho hồ căm hờn cái xã hội
Mà anh thường kêu mục, nát, thối ?
Cho người làm ruộng, kẻ làm công
Đều được an vui hơn hờ lòng ?
Bao giờ chúng mình gạch một chữ
Làm cho đảo điên pho Lịch-sử !
Làm cho bốn mươi thế kỷ xưa
Hất mồ ngồi dậy cười say sưa
Đề xem hai chàng trai quốc thước
Quét sạch quân thù trên Đất Nước ?
Đề cho toàn thể dân Việt-nam
Đều được Tự-do muôn muôn năm ?
Đề cho muôn muôn đời dân tộc
Hết đói rét, lăm than tang tóc ? »

Bài *Gửi Trương-Từu* còn cho chúng ta biết thực trạng của nhà văn Việt-nam vào năm 1937 :

Thời thế bây giờ vẫn thấy khó.
Nhà văn An-nam khổ như chó.

(1) Vì hai chữ « chửi Tây », Nguyễn Vỹ bị sở kiểm duyệt của một thám Pháp kêu lên hỏi : « Ông chửi Tây là chửi ai ? »

Mỗi lần cầm bút viết ăn chương.
Nhìn đàn chó đói gặm trơ xương,
Rồi nhìn chúng mình hì hục viết.
Suốt mấy năm trời kiết vẫn kiết.
Mà thương cho tôi, thương cho anh
Đã rụng bao nhiêu mái tóc xanh.

hoặc tỏ ra tư tưởng khinh miệt, mỉa mai, chua chát của con người bất đắc chí phải nép mình bên chiếc áo đàn bà :

Chứ như bây giờ là trò chơi,
Làm báo làm hung chán mớ đời !
Anh đi che tàn một lù ngốc,
Triết lý còn từa, văn chương cóc !
Còn tôi bùng thúng theo đàn bà,
Ra chợ bán văn, ngày tháng qua !

Cho nên tôi buồn không biết mấy !
Đời còn nhớ những ta chịu vậy !
Ngồi buồn lấy rượu uống say sưa,
Bực chi thành say mấy cũng vừa !
Mẹ cha cái kiếp làm thi sĩ !
Chơi nước cờ cao gặp vận bĩ !
Rồi đâm ra điên, đâm vẩn vơ,
Rốt cuộc chỉ còn mộng với mơ !

Sinh nhằm một giai đoạn bi thảm của quê hương, Nguyễn Vỹ đã chứng kiến bao cảnh bất công, áp bức khiến Nguyễn Vỹ đâm ra bất mãn thời thế, muốn làm một cái gì cho nhẹ bớt nỗi uất ức. Sự muốn làm của Nguyễn Vỹ tỏ ra bằng cách chống đối, và trả giá bằng những năm tù đầy. Trong những ngày lao lung, Nguyễn Vỹ tạo nên những vần thơ tha thiết, chân thành của một con người khao khát ánh sáng vàng vạc của đêm trăng, thèm thuồng vùng vẫy trong khoảng không gian rộng lớn ; nhưng than ôi ! thực tế quá đáng cay :

Tôi thẳng tù như một mảnh hồn ma,
Trong ngục thăm nhìn qua song lưới sắt,
Nhìn mê mải, thèm thuồng, không mới mất,
Nhìn khát khao, ngây ngất, ánh trăng say,
Muốn phá tung cửa ngục chạy ra ngoài.

nhưng :

Tôi gục xuống sàn tre nằm thồn thức...
Trắng với Chó tự do ngoài sân ngục,
Tôi bị giam sau bốn bức tường cao !
Ôi Tự do ! mi quý biết nhường nào !
Mi là cả Trăng, Sao, Trời, Thờ, Mộng !
Mi là những nụ cười vui đùa sống !
Mi là dòng huyết thống của Thiêng-liêng !
Có Tự do là cả Thần tiên.
Không có nó, trần duyên là ngục thâm !
Tù Trà-khe say mê trong giấc đắm,
Trên giường tù ai lệ dầm trong đêm !...

Cùng với bài *Sương rơi*, Nguyễn Vỹ đã tạo được tiếng vang sâu rộng trong lòng người ái mộ. Là thi sĩ tiền chiến khá nổi danh, nhưng thi phẩm của ông chỉ có *Tập thơ đầu* (1934) và *Hoang vu* (1962), kỳ dư sáng tác của ông hướng mạnh về loại biên khảo, hồi ký, tiểu thuyết, v.v....

Trong tập thơ đầu tiên, Nguyễn Vỹ có đăng vài bài theo lối 12 chân (alexandrins), một lối thơ mới trên thi đàn Việt-nam, nhưng lại là một loại thường thấy ở Tây-phương. Tuy nhiên, trừ vài bài như *Gửi Trương-Tửu* và *Sương rơi* được giới thưởng thức yêu thích, cảm quan của những người ái mộ thơ văn đương như không thích ứng với thể điệu nhiều chân như thế, nên *Tập thơ đầu* không được sự tiếp đón nồng nhiệt. Chính vì lẽ đó, khi *Tập thơ đầu* ra đời, Nguyễn Vỹ bị ông Lê-Ta (tức Thế-Lữ) và Hoài-Thanh, Hoài-chân công kích kịch liệt.

Trong *Thi nhân Việt nam*, hai tác giả Hoài-Thanh — Hoài-Chân phê bình Nguyễn Vỹ một cách gắt gao như sau :

« Nguyễn Vỹ đến giữa làng thơ với chiếc trống xập xoèng inh cả tai. Chúng ta đồ nhau ra xem. Nhưng chúng ta lại tung hứng trở vào vì ngoài cái lối ăn mặc và những điệu bộ lố lăng, lúc đầu ta thấy con người ấy không có gì. »

(Quý bạn hãy lưu ý câu : « ... lúc đầu ta thấy con người ấy không có gì » rồi bỏ lửng đề sau này hai ông nhận chân giá trị mấy văn thơ của Nguyễn Vỹ trong bài *Gửi Trương-Từ và Sương rơi*.)

Về phân Thê-Lữ — một nhà thơ được kể là hàng thượng thặng trong thời đại thơ mới — lại phê bình mỉa mai một cách nửa nạc nửa mỡ, cho rằng Nguyễn Vỹ làm thơ là « có ý định toan lè và bịp mọi người » khi nhìn thấy dưới mắt những văn thơ 12 chân sau đây :

*Đến ngày nay cảnh non sông đã phủ mấy lớp sương mù
Mà còn rên dưới rễ cỏ những vết hận lòng lai láng.
Ta hãy bước vào se sẽ trong cái im lặng nặng nề
Của năm mả, của gò cây, của đèn đài lẳng miếu cũ.
Ta sẽ gõ đầu quân bút trên miếng gạch, trên cành tre.
Gọi nổi bi tình mệnh mông của những linh hồn vô chủ.
Ta hãy ngồi ven lạch nước dò nghe những tiếng véo von
Của lòng đá, của bông cây, của những khe mờ, kẻ núi
Mà một hơi gió thoảng qua làm gãy nát bao điệu đờn,
Và động lớp sóng âm ba đang gợn đùa trong nắng bụi.*

(Gửi một thi sĩ của nước tôi)

Hà-nội báo, số 23, 10-6-1936

Trên đây là những gì phê phán về Nguyễn Vỹ, nhưng người ta đã không đi đúng đường lối của những nhà phê bình đứng đắn, từ Hoài-Thanh — Hoài-Chân cho đến Thê-Lữ (bút hiệu Lê-Ta) đều phê bình theo lối riêng của mình mà không cần biết những cái hay của người, hay nói cách khác, đó chính là lối phê bình một chiều.

Đề quý bạn ý niệm được phần nào cuộc điện diễn biến của dư luận đương thời khi xuất hiện thơ 12 chân, chúng tôi xin ghi lại sau đây trường hợp ra mắt *Tập thơ đầu*. Nguyễn Vỹ, như đề đánh tan những thắc mắc của luồng dư luận về lời phê bình trên và gián tiếp trả lời sự hiện diện của mình trong thời đại thi ca tiền chiến, trong bản nguyệt san *Phê thông*, ông trình bày tất cả sự thật như sau : *Tập thơ đầu* là tập thơ của ông làm mỗi khi cao hứng, trong đó gồm cả thơ Việt lẫn Pháp, với ý định thông thường là để chơi, thể thôi. Tình cờ một hôm Lưu trọng Lư, vì còn thiếu ông một số tiền mà không có để trả, họ Lưu đề nghị với ông chủ nhà in Tân Dân, chủ nhiệm *Tiểu thuyết thứ bảy*, cho Nguyễn Vỹ in chịu, vì Nguyễn Vỹ không có tiền. Tiền in, Nguyễn Vỹ sẽ viết bài cho *Tiểu thuyết thứ bảy* rồi trừ vào tiền nhuận bút. Ông chủ Vũ đình Long ưng thuận. Thế là tác phẩm *Tập thơ đầu* của Nguyễn Vỹ được chào đời một cách bất ngờ dưới sự bảo đảm của Lưu trọng Lư.

Kể từ bài thơ thứ nhất của Nguyễn Vỹ mang tên *Đức Thánh đông đen* (1) (tượng thánh ở chùa Trấn-quốc, Bắc phần) in trong *Tập thơ đầu* với thể thơ mới lạ 12 chân vừa tung ra liền bị ông Thê-Lữ công kích kịch liệt. Về hình thức, Thê-Lữ cho rằng 12 chân quá nặng nề ; về nội dung, ông đã kích Nguyễn Vỹ đã gieo vào văn thơ óc mê tín, dị đoan.

Còn Nguyễn Vỹ lại bảo rằng, 12 chân là thể thơ dùng để mô tả những gì to lớn, vì đại mà thể thơ 7, 8 chữ không sao diễn tả hết ý được, chẳng hạn, với thể 12 chân, nữ sĩ Mộng-Son đã áp dụng vào thi bản *Hai Bà Trưng* để diễn tả trận chiến giữa Trưng-Trắc và Mã-Viên ở Hồ Tây. Về nội dung, ông nói chỉ ghi lại hình ảnh nhận được khi ông đã cảm động thấy những thiện tín quí khán nguyện dưới chân thánh tượng, đặt niềm tin vào thần lực như diễm tựa cho những linh hồn đang khổ đau, nghèo đói, lo âu về cuộc sống, về tình duyên v.v... mà trong xã hội

(1) Xin đọc tiếp quyển *Khuyến hướng thi ca tiền chiến*.

đương thời chưa có biện pháp gì thỏa mãn được ước mong.

Nói cách chung, đối với bất luận cái gì mới lạ, hiện tượng tất nhiên trong quần chúng là thường có dư luận nghịch và thuận. Nếu Thế-Lữ, Hoài-Thanh — Hoài-Chân chê, thì cũng có Lan-Khai trong báo *Đông phương*, Huy-Thông trong báo *L'Annam nouveau* (của ông Nguyễn văn Vĩnh) khen.

Chúng tôi cũng xin ghi lại dưới đây một giai thoại chung quanh thơ 12 chân.

Vào khoảng năm 1936-37, trên báo *Phong hóa* của ông Nguyễn tường Tam và Thế-Lữ, người ta thấy đăng một bài thơ trào phúng nhan đề *Kinh tế khủng hoảng* như sau :

*Kinh tế năm nay khủng hoảng,
Đồng tiền chạy trốn đi đâu.
Ai ai cũng kêu túng rỗi,
Nhà nghèo cho chí nhà giàu.
. . . vân vân . . .*

dưới bài thơ ký bút hiệu tắt N V.

Liên đây, tòa soạn nhận được bức thư của Nguyễn Vỹ đại ý như sau :

« Tôi cảm ơn anh đã đăng bài thơ 12 chân của tôi trong số báo *Phong hóa* vừa rồi. Sở dĩ tôi phải cắt ra thành 6 chân vì tôi biết khuôn khổ báo *Phong hóa* không thể đăng 12 chân... »

Sau này, trong cuộc gặp gỡ Nguyễn Vỹ, Thế-Lữ có nói :

« Tôi và anh Tam nhận thấy bài *Kinh tế khủng hoảng* hay mà không ngờ là thơ 12 chân và không ngờ là của anh. »

Đề qui bạn nghe thêm tiếng chuông nữa, chúng tôi xin giới thiệu lời nói quan trọng khi phong trào thơ mới đang hồi phát triển, ông Lê tràng Kiêu trong *Hà-nội báo* số 23 ngày 10-6-1936 viết như sau :

« Kề bây giờ mà nói đến Nguyễn Vỹ đã là chậm lắm rồi, người ta nói đến Nguyễn Vỹ nhiều lắm, nhiều quá... »

Chỉ một cái được người ta nói tới nhiều, cũng đủ vinh dự cho nhà thi sĩ, vì vô duyên nhất, đau đớn nhất cho kẻ hao tòn không biết bao tâm trí, biết bao ngày giờ để làm nên một bài thơ, in nên một cuốn sách mà không ai nói tới. Đã đành rằng những lời nói tới đó chẳng đẹp lòng ông Nguyễn Vỹ, nhưng... « người ta công kích ta, chỉ chứng rằng ta sống ».

Thơ ông Nguyễn Vỹ đã là một cái đầu đi cho người ta viết, một câu chuyện cho người ta bàn, thơ Nguyễn Vỹ đã sống một cách đầy đủ ở trên mặt các báo...

Quyền Tập thơ đầu, mới lộ đầu ra đã bị ngay ông Lê-Ta ở báo *Phong hóa*, công kích một cách tàn tệ... Cũng lại chỉ vì cái lẽ ông Lê-Ta (Thế-Lữ) cũng làm thơ mà ông Nguyễn Vỹ cũng làm thơ đó thôi. Chữ công kích như cái kiểu ông Lê-Ta, trong cái thời văn học đang phôi thai này, có nhà văn nào, có tác phẩm nào là không đáng công kích ? Cứ theo cái phương pháp phê bình của ông Lê-Ta, thì ông Thái-Can, ông Lưu Trọng Lư, ông Huy-Thông, ông Thế-Lữ, trong những văn thơ của các ông ấy, ta cũng thấy nhan nhản những điều đáng công kích, nếu người ta muốn công kích, phê bình mà chỉ tìm những cái kém, cái dở chưa hẳn là phê bình. Một nhà phê bình có tiếng đã nói : « Cố yêu đề mà hiểu lấy tác giả... Vì lẽ rằng không có cái gì hoàn toàn ở đời này, ta hãy tìm lấy ở trong cái thiếu kém một viên gạch, một miếng vôi đề mà góp vào sự xây đắp cái tòa lâu Nghệ-thuật, cái tòa lâu ấy không thể do độc lực một người mà xây nổi, vì nó phải đầu dải nhiều mưa gió, chịu sự vùi dập của bao thế kỷ. Cái tòa lâu ấy phải là công xây dựng của Quá-khứ, của Hiện-tại, của Tương-lai.

Ông Nguyễn Vỹ chẳng hạn, đưa lại cho sự xây đắp ấy, một mảnh vôi nhỏ cũng đã nhiều lắm rồi. Ta có cầu gì hơn nữa ở họ một sự hoàn toàn không bao giờ có. »

Thế nhưng, quyền *Thi nhân Việt-nam* của Hoài-Chân — Hoài-Thanh là tác phẩm văn học duy nhất thuần túy thi ca

của thời ấy còn được phổ biến đến ngày nay (nhà Thiệu quang tái bản năm 1967) ; những lời phê bình thiên lệch ấy ảnh hưởng dai dẳng ở thế hệ sau này khi nhà văn Thế-Phong trong *Lược sử văn nghệ Việt-nam* (1957) viết về Nguyễn Vỹ như sau :

« Sự nghiệp của ông (Nguyễn Vỹ) chỉ được một câu thơ, trong bài gửi cho Trương-Từ khiến cho người đời còn nhắc đến tên ông « Thi sĩ Việt-nam khổ như chó ».

Các bạn sẽ hiểu ý nghĩa gì về câu nói của ông Thế-Phong khi Nguyễn Vỹ đã viết : *« Nhà văn An-nam khổ như chó »* để trình bày một thực trạng xã hội lúc bấy giờ.

Chúng tôi không tin rằng xuyên qua sự đóng góp của Nguyễn Vỹ vào văn học nước nhà trên mười văn phẩm, hai thi phẩm và bản nguyệt san *Phê thông* do ông chủ trương đã phục vụ trên mười năm văn nghệ từ 5-11-1957 mà văn nghiệp chỉ có vồn vện « một câu » thiết tưởng những người làm văn nghệ khác, với năm, ba tác phẩm, họ sẽ còn lại những gì.

Nếu quả thật Nguyễn Vỹ là con số không hay con số 1 (một câu), khi bàn đến « lược sử văn nghệ Việt-nam » thì hãy gạt hẳn Nguyễn Vỹ ra ngoài rìa văn giới ; nhưng đây chỉ là ý kiến cá nhân, còn đối với công luận quần chúng, người ta vẫn không thể phủ nhận sự hiện diện của Nguyễn Vỹ trong văn học.

Sẽ có người cho rằng chúng tôi vì Nguyễn Vỹ mà bênh vực. Thật ra, trong khi tham khảo những tài liệu thời tiền chiến, chúng tôi đã thấy và hiểu, rồi cố lấy tinh thần khách quan để làm sáng tỏ một vấn đề với mục đích đem trả lại một sự thật cho một sự thật.

Ở thời kỳ sơ khởi kiến trúc lầu thơ mới Việt-nam, mọi sự đóng góp, dù một cột trụ to lớn để chống đỡ hay một nắm đất bé nhỏ để xây nền, đối với những con người cùng chung lý tưởng kiến tạo, người ta không thể gạt bỏ phũ phàng một thiện chí góp sức. Sự đề xướng thơ 12 chân của Nguyễn Vỹ ta có thể coi là tiếng vang

trong khoảng vắng, một sự không thành công của một ý kiến vì không được đại đa số quần chúng chấp nhận, chứ không thể là một vật đáng vứt bỏ để phải nhận những lời công kích tàn tệ.

Xuyên qua lời chỉ trích của Hoài-Thanh Hoài-Chân (xin xem lại lời phê bình của H.T-H.C ở trên), người ta thấy cá nhân của người thơ bị nói nhiều hơn là thơ. Thậm chí ở phần tiểu sử của Nguyễn Vỹ, hai nhà phê bình đã đi sâu vào đời tư, nói đến những điều không cần thiết trong việc cấu tạo văn thơ, như : *« Đã từng cạo đầu đi tu, gánh cát ở bãi sông Cái, bán kẹo ở Hà-nội, bán báo ở Sài-gòn ».* Đây là một hiện tượng ghi chép khác thường nhất suốt 45 nhà thơ trong quyển *Thi nhân Việt-nam*.

Thơ 12 chân thì thất. Còn thơ 2 chân lại được khen khi Hoài-Thanh Hoài-Chân không thể phủ nhận :

« Một bài như bài Sương rơi rất được nhiều người thích. Người ta thấy Nguyễn Vỹ đã sáng tạo ra một nhạc điệu riêng đề ra một cái gì đương rơi. Cái gì đó có thể là những giọt sương, cũng có thể là những giọt lệ hay những giọt gì nữa rơi đều đều, chậm chậm trong lòng ta mỗi lúc văn thơ buồn ta đang một mình trong lặng lẽ. »

Hai ông viết thêm :

« Nhưng Sương rơi còn có vẻ một bài văn. Gửi Trương-Từ mới thật là kiệt tác của Nguyễn Vỹ. »

Với thiện ý, chúng tôi muốn nói lên một sự lệch lạc trong văn học. Chúng tôi xin dẫn chứng bằng tài liệu để quý bạn cùng nhận xét và phê phán.

Đề có thêm một tiếng nói khác lạ của người đã sống cùng thời khi nền thơ mới vừa phôi thai, ông Lam-Giang (tên thật Nguyễn quang Trứ), thi sĩ và cũng là tác giả quyển *Khảo luận luật thơ mới* (xuất bản tại Hà-nội, 1940) đã có ý kiến trong quyển : *Hồn thơ nước Việt thế kỷ XX* (do nhà Sơn Quang xuất bản tại Sài-gòn năm 1967) như sau :

« Phê bình Nguyễn Vỹ, Hoài-Thanh phát biểu một ý kiến vô đoan : « Nguyễn Vỹ chỉ lớn mà tài nhỏ nên hay lập dị, chứ thật sự ít có thành tích văn chương. »

« Tôi thiết tưởng cái công du nhập đầu tiên lối thơ nhạc vào thi đàn Việt-nam giữa lúc rất nhiều người chỉ chăm lo đã kích Luật Đường, chứ chưa sáng tạo được một thể điệu gì mới cũng đáng cho chúng ta nhìn tác giả với một nhãn quang nhiều thiện cảm hơn. »

Gần đây, năm 1962, Nguyễn Vỹ cho xuất bản tập thơ thứ nhì của mình là *Hoang vu*. Trong thi phẩm này, ông cho đăng lại một số thơ ông đã sáng tác trong khoảng thời gian tiền thế chiến như : *Hương-giang dạ khúc* (1936), *Gửi Trương-Tửu* (1937), *Sương rơi* (1937), *Hết chơi* (1938, họa vận bài *Còn chơi* của Tản-Đà, xin xem bài xướng ở phần Tản-Đà), v.v... như để độc giả có cơ hội minh xác lại một tiếng thơ đã vì thành kiến mà nhận định lệch lạc.

Đâu riêng gì thể thơ 2 chân, 12 chân như vừa đề cập, Nguyễn Vỹ còn là người chủ xướng *Trường thơ Bạch Nga* năm 1936, sự biến chuyển của thể thơ qui định từ 2, 3, 4, 5, 6... đến 12 chân. Lịch sử xây dựng nền văn học dân tộc, ta không thể trông cậy hoàn toàn vào đôi nhân vật trọng đại, mà phải là hành động chấp nhận từng cánh hoa rải rác ở muôn phương. Đọc nhà thơ này, ta hãy loại bỏ ảnh hưởng của nhà thơ mà ta yêu thích, nhiên hậu mới tìm thấy ở họ những khám phá tâm tình phản ánh được do hoàn cảnh riêng biệt đã chiếu vào đời sống của họ. Cho dù là thiên tài đi nữa, một cá nhân không thể hội tụ đủ khía cạnh sinh hoạt để phản chiếu toàn diện vào văn thơ mọi hình thái của xã hội, của tâm hồn.

Thời tiền chiến, thân phận Nguyễn Vỹ đã thế ; nhưng với ý chí phục vụ văn nghệ, trung thành đường hướng vạch sẵn, Nguyễn Vỹ, một người thơ từng chịu nhiều cam go trên đường tạo lập văn nghiệp, đã kiên chí xây dựng lại *Trường thơ Bạch Nga* trong bán nguyệt san *Phổ thông* từ

Trung-thu năm 1962 và được nhiều bạn đọc bốn phương hưởng ứng, chứng tỏ lời nói trước kia của ông Lê trảng Kiều là đúng : « người ta công kích ta, chỉ chứng rằng ta sống. » Vậy, Nguyễn Vỹ ngay nay hãy yên ổn mà sống với trường phái của mình. (1)



Trên đây là con người Nguyễn Vỹ với *Tập thơ đầu* thời tiền chiến.

Năm 1962, tập thơ thứ nhì mang tên *Hoang vu* của Nguyễn Vỹ chào đời do *Phổ thông* từng thuân hành tại Sài-gòn. Bình luận về *Hoang vu*, nhà văn Thiêt-Mai trong *Sáng dội miền Nam* viết :

« Con người Nguyễn Vỹ là con người đã « sống » đã nếm mùi tân khổ, gian lao của kiếp « nhân sinh ». Kiếp « nhân sinh » ấy lại ở vào cảnh giao thời của hai thế hệ, trong một tình trạng bi đát nhất của lịch-sử nước nhà, nên Nguyễn Vỹ đã trở thành con người rạn ròi, yếm thế... đề đi đến tâm trạng cảm hờn, biếm nhạo, khắt khe, chua chát... gần như điên dại Nhưng làm lúc trở lại với bầm tình thiên nhiên, trở lại với con người Nguyễn Vỹ, chúng ta lại thấy Nguyễn Vỹ hiền dịu, đa tình, đa cảm, thiết tha với một đời sống êm đềm trong đạo lý, coi đời chỉ là một cảnh hư vô, không không, sắc sắc...

« Tài làm thơ của Nguyễn Vỹ đã biểu lộ cho ta thấy trong sự cấu tạo dễ dàng, không gò ép và tánh cách lưu

1) *Tao đàn Bạch Nga* hoạt động trở lại với một số thi sĩ tên tuổi của Công tôn nữ Thanh-Nhung, Nguyễn văn Cồn, Công tôn nữ Hỷ-Khuông, Bùi-Mai v.v... *Tao đàn* có mở một giải thưởng gọi là « Giải *Tao đàn Bạch Nga* 1964 », có ba nhà thơ trẻ trúng giải trong đó có hai sinh viên Đại học sư phạm Triết-học và Văn chương. Rất tiếc, tình hình chiến tranh mỗi ngày mỗi căng thẳng, và gây khá nhiều xáo trộn trong đời sống của dân-tộc, nên *Tao đàn* tạm ngưng hoạt động từ 1966.

loát của câu thơ, sự tiếp diễn liên tục của ý thơ, tài gieo vần và nhất là ý tứ thâm trầm, mai mỉa, sâu sắc, hay ý nhị, đa tình của những câu thơ.

« Chúng ta lại nhận thấy rằng Nguyễn Vỹ chịu ảnh hưởng hai văn hóa, hai lần tư tưởng Đông và Tây nên Nguyễn Vỹ đã làm được cả các lối thơ Đường, thơ cổ điển và thơ mới. Trong loại sau này, điều đáng chú ý là Vỹ như muốn đưa ra những thể mới, có tác dụng xúc cảm, có âm điệu du dương, hợp tình để gợi tình và tả chân mạnh hơn. Thể mới ấy được thấy trong các bài thơ: *Sương rơi*, *Mưa rào*, *Tiếng chuông chùa*, v.v...

« Về ý thơ, Nguyễn Vỹ quả thật đã có nhiều ý tưởng, nhiều câu văn rất táo bạo (*Hai người điên*; *Hai con chó*; *Trăng, chó, tù*; *Đêm trịnh*, v.v...) nhưng theo ý riêng tôi, những ý tưởng, những câu văn táo bạo ấy vẫn là những lời độc đáo đưa Nguyễn Vỹ ra khỏi lối thường tình và cổ điển của các nhà thơ và cũng tỏ cho ta thấy rằng Vỹ là con người có nội tâm cứng rắn, thành thật, dám biểu lộ tâm tư mình bằng những hình ảnh thiết thực do lòng mình suy tưởng. » (*Thiết-Mai*)

Thật vậy, lời phê bình trên của ông Thiết-Mai tương hợp phần lớn với khuynh hướng thi ca của Nguyễn Vỹ.

Ngoài những bài thơ trào phúng về thể sự còn mang tính chất mỉa đời (trong tập *Thơ lên ruột*), chúng tôi nhận thấy trong *Hoang vu* tiếng thơ của Nguyễn Vỹ những lúc sau này như trút bỏ đi nỗi căm hờn, phẫn uất, giọng thơ không còn gay gắt, ý thơ trở nên thâm trầm, tình thơ thiên nặng về quê hương, đất nước; đôi bài len lỏi vào địa hạt tôn giáo, tư tưởng bất ngẫm mùi đạo. Phải chăng đây là cái tâm lý chung của người đời hay dọn sẵn một khoảng đất trống cho tâm linh khi cái thân xác vật chất của mình sắp bị hủy diệt. Nguyễn Vỹ nói:

Nếu ta biết một khu trời Vạn-hạnh

Trăng không tàn mà hoa cũng không trôi...

(*Đêm sâu về*)

hay:

Trước sau cũng quyết một lần đi!

Đi để hồn thơ nhẹ thoát ly!

Lý cảnh hư không đời giả tạo,

Tạo tâm thanh khiết bóng Từ-bi.

(*Mộng thoát ly*)

Qua bao nhiêu phong ba bão táp của cuộc đời, tâm thần trở lại bình thản, Nguyễn Vỹ thích sống với cái hình nhi thượng, rồi phủ nhận:

Không, tôi không phải con người bất mãn.

Nhục và Vinh tôi có đủ cả rồi.

Thượng-đế đã cho tôi giàu muôn vạn,

Đầy một kho ánh sáng trong hồn tôi.

Trong *Hoang vu*, Nguyễn Vỹ chứng tỏ là một kẻ ôn yếu đời, tuy cũng đã chán ngán với cảnh đời thay của thế sự, của tiền tài, danh vọng làm con người mất hẳn tư ng tri và trở nên giả dối, điêu ngoa, vậy thì:

Ngài bắc chi một nhịp cầu danh vọng,

Kéo tôi chi trong phủ ảnh lâu dài?

hay:

Đừng bảo tôi hát những lời ca ngợi

Các tượng thần chói lọi ánh tà huy,

Đừng chỉ tôi đâu là đường danh lợi,

Cảm ơn Ngài, danh lợi đề mà chi?

bởi vì:

Tôi không muốn gánh kho vàng thơ mộng

Đem chợ đời đời lấy món cân đai,

*Dừng như tôi ngựa, xe, tàn, vóng, lọng.
Ai công hầu khanh tướng, mặc ai ai.
Dừng bắt tôi mang hia, choàng áo rộng.
Và khom lưng lạy các chúa trên ngai !*

Lời thơ thật khảng khái của một con người bất khuất, còn tha thiết với quê hương, Nguyễn Vỹ thêm :

*Tôi không phải đã « cạn bầu nhiệt huyết »,
Tấm thân hèn chưa rạn nứt phong sương,
Bao năm xưa dọ đầy trong luy tiết,
Há bây giờ hờ hững với quê hương.*

Một thảm trạng nghèo đói vì bất công, vì chiến họa được bày ra dưới mắt khiến thi nhân bất chợt kêu lên :

*Một đêm lạnh lẽ kiếp buồn phiêu khách
Giữa Sài-gòn tịch mịch gió âm u.
Tôi đã thấy một người cha đói rách
Ôm con ngồi trong xó tối hoang vu.
.....
Người run rẩy như lá cây run rẩy,
Tiếng người rên trong tiếng gió vi vu.*

Rồi cũng một đêm buồn của mùa Xuân đầy tang tóc ;
xa xa vắng nghe tiếng súng cầm canh, lòng thi nhân bỗng
dậy lên niềm cảm xúc :

Tiếng súng đêm xuân

*Đêm phẳng lặng, tôi đang nằm thao thức,
Phòng vắng tanh, lòng cũng vắng mông mênh.
Bỗng bên sông loạt súng bắn vang rền,
Như những mảnh tình Xuân tan tác đều.*

*Kêu chan chất đạn vèo, liên tiếp nổ,
Lửa lập loè như những ánh ma trời.
Kể tiếp nhau ngã gục những bóng người
Lẫn tiếng súng, tiếng kêu gào : « Giết, Giết ! »
Ai say máu, chém đâm nhau ác liệt ?
Ai rên la thảm thiết, khóc kêu vang ?
Tâm hồn tôi mỏng mảnh nát tan hoang,
Hai gần lệ ứa tràn đôi mí mắt.
Trời đất hỡi, lại bao nhiêu xác chết !
Máu căm thù, ghi mãi hận giăng san ?
Bao vết thương non nước vẫn chưa hàn,
Xuân tái tạo, phũ phàng, ai hấp hối ?...
Tiếng ai oán, ai gào trong đêm tối ?
Lời trời trấn ai gọi gió sương khuỷa ?
Ai thân yêu, nhẩn nhừ lúc chia lìa,
Đang quần quai rì rên bên vũng máu !
Trời u trệ, đìu hiu sao Bắc-đẩu,
Mây chập chồng xây đắp ai sầu tang
Đêm không trăng, bùng bít cả trần hoàn,
Gà mớ gáy, kinh hoàng trong yểm mộng...
Súng đua nổ ầm ầm rồi im bặt
Hạt mưa xuân nặng nặng rơi trên hiên...
Ai có nghe trong đêm thắm vô biên
Tiếng gió mới gọi hồn non nước cũ ?...
Ai có thấy muôn vạn mồ vô chủ ?
Đoàn thanh niên đang tiến tới ngày mai
Đang hân hoan rên đức chí anh tài
Bỗng ngã gục, không một lời vĩnh biệt !
Mỗi xác chết, một linh hồn nước Việt,
Mỗi năm mồ, là một mảnh tim ta.
Xuân muôn màu ngào ngạt nở muôn hoa
Là mạch máu chan hòa trong mạch đất !*

Mỗi nhánh lá, một hồn thiêng phảng phất,
 Mỗi tim hoa, nước mắt đọng thành sương.
 Cả non sông là một hận xuân trường,
 Của thể hệ loạn cuồng trai đất Việt !
 Ôi buồn lắm ! Lòng ta buồn đã diết !
 Ta xót thương những số kiếp tài ba,
 Nợ phong trần đã vướn tuổi niên hoa
 Còn thử thách đá vàng thêm Quốc-hận !
 Một lớp trẻ chôn vùi ngoài chiến trận,
 Đã đem xương đem máu đắp xây mồ.
 Một lớp sau còn sống sót, bơ vơ,
 Khóc cũng dờ, mà cười càng thêm dờ !...

*

Đêm xuân nay, nước mắt trào nức nở,
 Nghe vang rền tiếng súng nổ bên sông.
 Gà gáy khuya, tỉnh giấc mộng hãi hùng,
 Tôi mở cửa, gió lồng, ớn ớn lạnh.
 Mưa rì rả, thấm tê lòng cô quạnh,
 Tôi ra đi như một đứa lạc loài,
 Bước âm thầm không muốn biết ngày mai.

(Nha-trang đêm xuân 1951, Hoang vu)

Đọc xong bài thơ, người yêu thơ không khỏi bùi ngùi vì quê cha đất mẹ lại một lần đồ lệ khóc thương cho những mái đầu xanh tuổi trẻ. Nguyễn Vỹ đã viết lên bài thơ với tất cả sự tủi hờn của dân tộc.

Trong Hoang vu, ngoài tư tưởng và tâm tình đã ký thác, chúng ta còn nhận thấy một cá tính của Nguyễn Vỹ hay tìm đến những cái gì khác lạ.

Sương rơi còn là bài thơ trong trường phái Bạch Nga :

Sương rơi

Sương rơi

Nặng trĩu

Trên cành

Dương liễu.

Nhưng hơi

Gio bắc

Rồi hạt

Lạnh lùng

Sương trong

Hiu hắt,

Tan tác

Rơi sương

Thấm vào,

Trong lòng

Cành dương.

Em ơi,

Tà tơi,

Liều ngã,

Trong lòng

Em ơi.

Gió mưa

Hạt sương

Từng giọt

Tơi tả,

Thành một

Thánh thốt,

Từng giọt

Vết thương.

Từng giọt

Thánh thốt,

Điêu tàn,

Từng giọt

Trên nắm

Tơi bời

Mồ hoang !

Mưa rơi,

Gió rơi

Lá rơi,

Em ơi !

(Văn học tạp chí, 1935)

Đến những bài như *Hoàng hôn*, *Tiếng chuông chùa*, *Mưa rào*... sau đây, Nguyễn Vỹ muốn tạo cho mình một điệu nhạc riêng. Nhưng phải nói là những bài thơ mới lạ này có nặng về thể thơ tân kỳ mang tính chất tượng hình, thượng thanh nhiều hơn là chứa đựng tư tưởng.

Bài *Hoàng hôn* dưới đây, tác giả trình bày một đàn cò trắng đang vội vã bay về tổ trên nền trời của một buổi chiều vàng sắp tắt.

Hoàng hôn

Một đàn
Cò con
Trắng non
Trắng non,
Bay về
Sườn non.
Gió giục,
Mây dồn,
Tiếng gọi
Hoàng hôn
Buồn bã
Nỉ non
Từ già
Cô thôn...
Còn con
Cò con
Trắng non
Nào kia,
Lạc bầy,
Lại bay
Vào mây,
Ồ kia!

(1950, Hoàng vu)

Và đây, bài *Tiếng chuông chùa*, qua thể thơ, tác giả cho ta thấy một buổi chiều buồn, tiếng chuông chùa ngân lên từng hồi trong bầu không khí êm lạnh, dư âm vang động nơi nơi, gợi cho kẻ tha phương cảm thấy lòng băng khuâng thương nhớ :

Tiếng chuông chùa

Bốn phương trời
Sương sa,
Tiếng chuông chùa
Ngân nga...
Trời lạnh êm,
Nghe rêm
Tiếng chuông
Rơi,
[hạnh] thoi
Êm dềm...
Hồi chuông
Rơi,
Bon !
Bon !
Trong sương mờ,
Véo von...
Hồi chuông
Trôi,
Êm ru.
Vô âm u
Hồn tôi...

Hồi chuông

Vang bốn phương...

Mùi trầm hương

Vang trong sương

Lòng tôi...

Nghe tiếng chuông

Trong,

Trong,

Hồi hộp

Bâng khuâng...

Hồn lâng lâng

Lên vút,

Cao xanh,

Thanh,

Thanh...

Tiếng chuông chùa

Khoan thai,

Kêu ai,

Lòng nhớ thương

Quê hương...

Tiếng chuông chùa

Khoan thai,

Kêu ai,

Lòng thê lương

Tê

Mê

Trong sương...

(Hoàng vu)

Ngoài những lối trên, Nguyễn Vỹ còn trình bày một thể thơ đặc biệt có dáng hình thoi : bài *Mưa rào*. Từ câu đầu một chữ, rồi hai, ba, bốn chữ v.v... tăng trưởng đến một cao độ, rồi bắt đầu giảm dần số chữ trong câu cho đến câu cuối còn một chữ để diễn tả một cơn mưa thoát đầu lác đác vài giọt, rồi đổ ào như trút, rồi thưa, thưa dần đến còn một giọt và tạnh hẳn.

Mưa rào

Mưa

Lừa thưa

Vài ba giọt...

Ai khóc tả tơi,

Giọt lệ tình đau xót ?..

Nhưng mây mù mịt, gió đưa

Cây lá rụng xào xạc giữa trưa.

Mưa đổ xuống ào ạt, mưa, mưa, mưa !

Thời gian trôi tan tác theo tiếng mưa cười !

Không gian dập vùi tan nát theo thác mưa trôi,

Đàn em thơ nhào ra đường, giỡn hớt chạy dầm mưa !

Cò hoa mừng nên vận hội, ngà nghiêng tắm gội say sưa !

Nhưng ta không vui, không mừng. Lòng không ca, không hát !

Ta đưa tay ra trời, xin giòng mưa thấm mát.

Tươi vết thương lòng héo hắt tự năm xưa !

Nhưng, ô kìa ! Mưa rụng chóng tàn chưa !

Trời xanh xanh, mây bay tan tác.

Ai còn ươm hạt mưa đào,

Lóng lánh trong tim Hoa ?

Ai ươm mơ sầu,

Ôi mong manh,

Trong tim

Ta !

(Sài-gòn, một chiều hè 1977)

Đề kết thúc, chúng ta thấy Nguyễn Vỹ là một nhà thơ có thực tài. Ông dám trình bày một cách trung thực tư tưởng của mình, nói lên nỗi uất ức, bất công của kiếp người. Nguyễn Vỹ có cái nhìn thường xuyên vào thực trạng xã hội, theo dõi những màu sắc biến đổi của nhịp sống dân tộc đã chịu nhiều thảm họa; hòa lẫn vào đấy tình thương yêu đồng loại, tiếng thơ của Nguyễn Vỹ là tiếng nói chân thành phát xuất tự con người còn nghĩ đến quê hương.

(Ấn bản kỷ niệm, 25-6-1968)



Chi tuyến

Gửi Trương-Tửu

Nay ta thêm rượu nhớ mong ai...
 Một mình nhấp nhém, chẳng buồn say !
 Trước kia hai thằng hết một nệm,
 Trò truyện dong dài, mặt đỏ sẫm,
 Nay một mình ta một be con.
 Cạn rượu rồi thơ mới véo von !

Dạo ấy chúng mình nghèo xơ xác,
 Mà vẫn coi tiền như cỏ rác.
 Kiếm được đồng nào đem tiêu hàng.
 Rủ nhau chè chén nói huênh hoang.
 Xáo lộn văn chương với chả cá,
 Chửi Đông, chửi Tây, chửi tất cả,
 Rồi ngủ một đêm mộng với mê.
 Sáng dậy nhìn nhau cười hề hề !

Bây giờ thời thế vẫn thấy khó,
 Nhà văn An-nam khổ như chó !
 Mỗi lần cầm bút viết văn chương,
 Nhìn đàn chó đói gặm trơ xương
 Rồi nhìn chúng mình hì hục viết
 Suốt mấy năm trời kiệt văn kiệt,
 Và thương cho tôi, thương cho anh
 Đã rụng bao nhiêu mái tóc xanh.
 Bao giờ chúng mình thật ngắt ngưỡng ?
 Tôi làm Trạng-nguyên anh Tề-tướng,
 Rồi anh bên Võ tôi bên Văn,
 Múa bút tung gươm hả một phen ?

Cho bờ cắm hờn cái xã hội
 Mà anh thường kêu mục, nát, thối ?
 Cho người làm ruộng, kẻ làm công.
 Đều được an vui hớn hở lòng ?
 Bao giờ chúng mình gạch một chữ
 Làm cho đảo diên pho Lịch-sử !
 Làm cho bốn mươi thế kỷ xưa
 Hắt mồm nhồm dậy cười say sưa
 Để xem hai chàng trai quốc thước
 Quét sạch quân thù trên Đất Nước ?
 Để cho toàn thể dân Việt-nam
 Đều được Tự-do muôn muôn năm ?
 Để cho muôn muôn đời dân tộc
 Hết đói rét, lăm than tang tóc ?
 Chữ như bây giờ là trò chơi !
 Làm bão làm bùng chấn mớ đời !
 Anh đi che tàn một lũ ngốc
 Triết lý con tằm, văn chương cóc !
 Còn tôi bùng thúng theo đàn bà,
 Ra chợ bán vắn, ngày tháng qua !
 Cho nên tôi buồn không biết mấy !
 Đời còn nhớ những, ta chịu vậy !
 Ngồi buồn lấy rượu uống say sưa,
 Bực chí, thành say mấy cũng vừa.
 Mẹ cha cái kiếp làm thi sĩ !
 Chơi nước cờ cao gặp vận bi !
 Rồi đâm ra diên, đâm vắn vợ,
 Rốt cuộc chỉ còn... mộng với mơ !

Viết rồi hãy còn say
 (Phụ nữ)

*

Hương giang dạ khúc

(Bài này đăng trong *Đông tây*
 tuần báo Hà-nội, ký bút hiệu *Lệ-Chi*)

Hơi gió hiu hiu của ban đêm
 Ru hồn ta trong cơn tê tái.
 Nước sông Hương lặng lẽ êm đềm
 Ru chiếc thuyền ta bơi êm ái.

Thuyền ta thiu thiu ngủ, lênh đênh.
 Theo nhịp mái chèo bơi êm ái,
 Tâm hồn ta rên rỉ, buồn tênh.
 Theo cơn sóng trần duyên tê tái

Hồn ta bơi lướt qua, buồn tênh
 Trên lớp sóng trần duyên tê tái,
 Thuyền ta bơi lướt qua, lênh đênh
 Theo nhịp mái chèo bơi, êm ái.

Trăng soi trên đỉnh núi đầu ghềnh
 Nhợt như vết thương lòng tê tái,
 Và trong cõi lòng ta mông mênh,
 Trăng rù một cơn buồn êm ái

Tâm hồn ta rên rỉ, buồn tênh
 Ru vết thương lòng ta, êm ái.
 Thuyền ta trên mặt nước, lênh đênh,
 Ru tâm hồn ta thêm tê tái.

(Húe 1936, Hoàng vu)

*

Hai con chó

Chuồng ngục tối om, kìa bốn xó,
 Bốn thẳng bơ bơ như bốn chó !
 Chẳng được nói năng, chẳng được cười,
 Hai chân chồm hồm, ngồi co rố.

Lưng rít mồ hôi, không dám cọ.
 Ngứa ngứa tay chân không rập rọ.
 Rệp bò lên cò, leo lên đầu,
 Muỗi bay khiêu vũ; kêu ó ó.

Một tên lính Nhật ngồi ngay đó ;
 Nét mặt hăm hăm, tròn mắt lộ !
 Deo chiếc gươm dài, cầm roi da,
 Thình thoảng quất lên bốn đầu sỏ.

Hắn uống rượu gì màu đỏ đỏ,
 Như uống máu tươi trong cái sọ ?
 Kìa nó gật gù, đầu ngả nghiêng,
 Máu nhều quanh môi từng giọt nhỏ !

Hai mắt đỏ hoe xoay tròn, ngó
 Thẳng tù lim dim trong một xó,
 Hắn sả ba roi lên đỉnh đầu,
 Thẳng tù rứt vai, mặt mếu mó !

Một thẳng tù khác ngồi nhẩn nhố,
 Tay run cầm cặp, răng gõ mõ,
 Sốt rét lên cơn, không dám nằm,
 Đầu cúi lạy... lạy... như xin xỏ.

Thẳng tù thứ ba ngồi nhốc mỗ,
 Da mặt xanh lè, mắt tho lỗ.
 Hắn bị tra điện hồi đầu hôm,
 Giờ như cái xác con ma xó !

Thằng tôi chờ chết, ngồi co rố,
 Làm thơ âm thầm lấy văn chó.
 Bỗng một chó Nhật vừa đi qua,
 Đứng ngoài song sắt trở mắt ngó.

Nó nhìn thẳng tôi, tôi nhìn nó,
 Thông cảm cùng nhau hai đứa chó !
 Bỗng dưng tôi cười ! ha ! ha ! ha !
 Nó cũng vẩy đuôi cười hó ! hó !

Tên lính Nhật hoàng la xí xỏ,
 Dập giầy lên lưng xua đuôi nó,
 Rồi quật roi da lên đầu tôi,
 Ào ào, ạt ạt như Thần gió !

Chó Nhật ăng ăng chạy gần đó,
 Quay lại vẩy đuôi đứng lấp ló,
 Rồi tôi nhìn nó, nó nhìn tôi,
 Thông cảm cùng nhau hai đứa chó !

Hà-nội mừng Xuân năm Nhâm-ngọ,
 Pháo nổ tung bùng, đèn sáng tỏ.
 Chó Nhật vẩy đuôi chờ tôi ngâm.
 Dăm chục câu thơ mừng kiếp chó !

Ôi tôi ôi, tôi ôi là tôi !

Ôi chó ôi, chó ôi là chó.

(1942, Hoàng vu)

*

Trăng, chó, tù...

Ngục Trà-Khê, đoàn tù nằm trong tối.
 Chỗ giường tôi đối diện với Trăng thu,
 Nhưng kềm gai giăng lưới bọc âm u,
 Ngoài sáng tỏ, trong mịt mù bụng bí.

Ai nấy ngủ, hai giấy sần kê khít,
 Cửa nhà lao dây xích khóa ba vòng,
 Một tia vàng lóng lánh lọt qua song,
 Năm âu yếm bên lòng tôi, khế bảo :
 * Đêm nay rằm, em giăng tơ huyễn ảo,
 Ngồi đây xem chàng hỡi, giữa khuôn xanh,
 Em dệt thơ, dệt mộng, kết muôn vần,
 Đề em tặng người-yêu-em muôn thuở.
 Ngồi đây đi, hỡi chàng, nhìn song cửa,
 Ngoài trời mây rục rờ ánh trắng lành !
 Em vẽ đây trọn hết cả năm canh,
 Đêm tất cả dâng chàng lòng trinh bạch.»
 Trăng mủm mỉm cười duyên, rồi khe lách
 Lưới kẽm gai ngăn cách giữa tôi nàng...
 Tôi giờ tay, muốn níu ánh trắng vàng,
 Lòng xao xuyến, tôi vội ngồi nhòm đây.
 Sau lưới sắt tôi nhìn trăng mê mãi,
 Núi rừng hoang Trăng giải ánh sầu bi...
 Trước sân tù có con chó L'Amie,
 (Con chó trắng dễ thương và ngoan ngoãn,
 Chó độc nhất, và trung thành như bạn,
 Lạc ngoài rừng, chúng tôi bắt về nuôi.)
 Gần với Trăng, chó phe phẩy mừng vui.
 Chó nhảy tới, nhảy lui, đùa với bóng...
 Trăng tha thướt, yêu kiều trong ảo mộng,
 Rải trên sân lồng lộng ánh huyền mơ.
 Mỗi nét Trăng là dệt một vần Thơ,

*
 Mỗi sóng trắng là một đường tơ thắm,
 Chó đùa bỡn, chạy quanh, rồi đứng ngấm,
 Mắt nhìn Trăng, lóng lánh ánh Trăng ngà...
 Tôi thẳng tù như một mảnh hồn ma,

Trong ngục thăm nhìn qua song lưới sắt,
 Nhìn mê mãi, thềm thuồng, không môi mất,
 Nhìn khát khao, ngây ngất, ánh Trăng say.
 Muốn phá tung cửa ngục chạy ra ngoài,
 Đề ngấm nó, đề ngắt ngây say với nó,
 Đề đùa bỡn với bóng Trăng bóng chó,
 Đề dệt tình, dệt mộng với Trăng tơ...
 Nhưng bỗng dưng đôi mắt lệ hoen mờ,
 Tôi gục xuống sần tre, nằm thồn thức...
 Trăng với chó tự do ngoài sân ngục,
 Tôi bị giam sau bốn bức tường cao !
 Ói tự do ! mi quý biết nhường bao !
 Mi là cả Trăng, Sao, Trời, Thơ, Mộng !
 Mi là những nụ cười vui đùa sống !
 Mi là dòng huyết thống của Thiêng-liêng !
 Có-Tự do là có cả Thần Tiên,
 Không có nó, trần duyên là ngục thăm !
 Tù Trầ-khê say mê trong giấc đắm,
 Trên giường tù ai lệ đầm trong đêm !...

(1944, Hoàng vu)

*

Cám ơn ngài

Không, tôi không phải con người bất mãn
 Nhục và Vinh, tôi có đủ cả rồi.
 Thượng-đế đã cho tôi giàu muôn vạn,
 Đây một kho ánh sáng trong hồn tôi,
 Đây những đêm lệ châu tràn ai oán,
 Những bình minh trời dậy nhạc men cười.
 Từ muôn thuở say sưa tình lai láng
 Uống hương trời còn đọng cả trên môi !

Ngài bắc chi một nhịp cầu danh vọng,
 Kéo tôi chi trong phù ảnh lâu đài ?
 Tôi không muốn gánh kho vàng thơ mộng,
 Dem chợ đời đời lấy món cân đai.
 Đừng nhử tôi ngựa, xe, tàn, võng, lọng.
 Ai công hầu khanh tướng, mặc ai ai.
 Đừng bắt tôi mang hia, choàng áo rộng,
 Và khom lưng lạy các chúa trên ngai !
 Tôi không phải đã « cặn bầu nhiệt huyết ».
 Tấm thân hèn chưa rạn nứt phong sương,
 Bao năm xưa đọa đầy trong luy tiết,
 Há bây giờ hờ hững với quê hương ?
 Những dân tộc đã vươn mình quyết liệt,
 Bao anh hùng đã diễm máu tô xương,
 Họa khói lửa muôn dân còn rên xiết,
 Bút mực nào ghi hết hận tang thương !
 Đề yên tôi bên khu trời diệu vợi,
 Chớp lời Sao và nhạc Gió lâm ly,
 Tiếng than thở vụn u hồn buồn rọi,
 Đắm chìm trong tịch mịch vụn sầu bi !
 Đừng bảo tôi hát những lời ca ngợi
 Các tượng thần chói lọi ánh tà huy,
 Đừng chỉ tôi đâu là đường danh lợi,
 Cảm ơn Ngài, danh lợi để mà chi ?

(1953, Hoàng vu)

*

Giấc mơ bom nguyên tử

Chiều quạnh quê ngồi trên lưng núi,
 Lánh xa đời gió bụi phù hư,
 Suối đời vì vút hơi thu,
 Bao la mây nước mịt mù diu hiu.

Buồn man mác, nằm thiêu thiêu ngủ,
 Dưới bóng cây buồn rũ lá vàng,
 Chập chờn trong giấc mơ màng,
 Du dương xao xuyến, khúc đàn thông reo.
 Bỗng, vắng vắng tiếng kêu, tiếng khóc,
 Những u buồn tang tóc, bi ai,
 Rì rầm trong gió, trong mây,
 Nỉ non vang khắp trần ai ta bà,
 Mạch máu chảy chan hòa mạch đất,
 Ngập tử thi chổng chát chân trời,
 Lập lờ như lũ ma trời.
 Những luồng lửa đỏ cháy thui địa cầu.
 Chìm nhân loại trong bầu máu nóng.
 Lò cừ đun những đồng xương khô,
 Đầu lâu không mả không mồ,
 Xác người xác thú núi gò ngồn ngang.
 Đại bác nổ lừng vang trái đất,
 Khói lửa tràn mù mịt Đông Tây,
 Đạn vèo, tốc rụng, đầu bay,
 Máu phun lên nhuộm rừng mây đỏ lờm.
 Trận Đại-chiến cuối cùng bùng nổ,
 Trên năm châu ngọn gió diên cuồng,
 Lên men, say máu anh hùng,
 Dưa nhau chém giết, mồ lòng, ăn gan.

Muôn triệu cảnh khóc than thảm thiết,
 Muôn triệu người rên siết đau thương,
 Thây nằm chập các nẻo đường,
 Hồn bay vất vưởng sa trường máu tanh.
 Cuộc tàn sát hung hăng gớm ghiếc,
 Trẻ, già, côi, chém giết không tha,

Say mềm như tiệc đám ma.
Tiếng kèn vang những bài ca hãi-hùng.

Bỗng sấm sét đùng đùng ghê dữ,
Trăm nghìn bom nguyên-tử nổ rơi,
Tướng chừng mặt đất nứt đôi,
Vòm mây tan vỡ, biển sôi, sóng trào.
Trận đông-tổ ào ào nổi dậy,
Quét tan hoang như giấy cối trần,
Người người ngã chết hết dần,
Lâu đài thành quách tan tành ra tro.
Những tàu bay, tàu bò, tàu lặn,
Những gươm đao súng đạn giết người,
Rớt chìm trong đáy bể khơi
Muôn muôn triệu xác nổi trôi dạt dờ.
Hình như thê loài người chết cả ?
Khắp bao la đầy mả mồ hoang !
Trường như trong cảnh điêu tàn,
Hai người sống sót là nàng với ta...
Phải chăng một giấc mơ hoa ?
Trong mơ chỉ thấy còn ta với Nàng...
Trời quang đặng, bóng vàng ngả xế,
Mặt địa cầu hoang phế cô liêu.
Thoáng nghe vài tiếng chim kêu,
Trong mây, trong gió, dịu hiu lạnh lùng.
Bao la thăm, một vùng lặng lẽ,
Phổ phường hoang, tường bề ngói rơi,
Không trông thấy bóng một người,
Mênh mông quanh quẽ trên trời dưới ta.
Giữa hoàn vũ, tha ma tử địa,
Nhìn chung quanh vắng vẻ buồn tênh,

Nàng, tôi, hai bóng kẻ bên,
Năm tay dùng dính đi trên địa cầu.
Bước sợ hãi trong bầu nắng gắt,
Lặng tai nghe quả đất vẫn xoay,
Êm êm, dịu dịu say say,
Vô biên, thăm thẳm, trời mây xanh lồng.
Cồn núi vẫn trùng trùng điệp điệp,
Suối, ao, hồ, rộn rịp sóng reo,
Hơi thu thổi lá bay vèo,
Ngọn ngang xác chết, như bèo, trôi sông,
Trôi chìm hết ra dòng sóng bề,
Gió lùa đi, không để xác ai
Còn đâu dấu vết loài người ?
Nghe đâu tiếng khóc, tiếng cười, tiếng kêu... ?
Trong vắng lặng trời chiều bất ngạt,
Nàng và tôi ngơ ngác đất nhau,
Đi... nhưng nào biết đi đâu ?
Chung quanh núi thăm, sông sâu, đất bằng...
Bỗng thấp thoáng từ đằng xa tới,
Một cụ già bạc phới đầu râu,
Tay già chống chiếc gậy lau,
Áo xanh phất phới gợn màu xanh mây,

Nàng và tôi chớp tay chào hỏi :
— Lạ cụ già, thưa cụ là ai,
Cụ cười : — Ta xuống trần ai ?
Đòi lại mặt đất và thay giống người.
Ta đã sắp cõi đời xán lạn,
Ơn sinh thành muôn vạn triệu niên,
Tạo nhân, lập địa, khai thiên,
Gây ra giống thú, giống chim, giống người.

Riêng nhân loại tuyệt vời trí óc,
 Còn chim muông ngu ngốc mê si,
 Chỉ người mới có lương tri,
 Có lòng đề cảm đề suy cuộc đời.
 Nhưng đa số loài người hư hỏng,
 Dùng tâm linh, trí đồng giết nhau,
 Muôn ngàn kiếp trước, kiếp sau,
 Không tu được đức không trau được lành.
 Ta chỉ thấy chiến tranh tàn sát,
 Người giết người khao khát máu tanh.
 Tham tàn, ích kỷ, kiêu căng,
 Giành nhau chỉ biết miếng ăn miếng mỗi.
 Càng tiến bộ càng đời bại lắm,
 Càng văn minh, càng dăm truy hoan.
 Càng thêm vật chất huy hoàng,
 Tinh thần truy lạc, điểm đàng hơn xưa.
 Ghét xã hội loài người mục nát,
 Mặt đất đầy tội ác xấu xa,
 Lòng người hèn nhát thối tha,
 Một luồng ám khí trộn pha dương trần.
 Nên ta quét tan tàn cội tục,
 Xoay lại chiều cây trục hành tinh,
 Cho muôn triệu ức sinh linh,
 Diệt vong trong cảnh u minh tận cùng.
 Đề dứt hẳn diên cuồng loạn đả,
 Ta tung làn Phóng-xạ đánh tan,
 Cho tiêu, cho diệt, cho tàn,
 Cho bị thảm kịch hạ màn kết chung.
 Ta lập lại một vùng đất mới,
 Cho loài người khác với-loài xưa,

Đổi thay hẳn tấn tuồng đời,
 Chỉ còn trong sạch, sáng ngời, vinh quang.
 Giống dân mới được toàn hạnh phúc,
 Không miệt mài lục đục giết nhau,
 Gió vàng không hái đầu lâu,
 Đất vàng không lấp mồ sâu thịt người.
 Dân không bị một đời tội mọi,
 Không còn đau tù tội xích xiềng,
 Hòa-bình, Hạnh-phúc liên miên,
 Tự-do, Bác-ái thành Tiên trên đời.

•

Ông cụ nói rồi cười ha hả,
 Tôi bèn thưa với vãi mấy câu :
 — Cụ ơi, Dân Việt còn đau ?
 Dân tôi mặt mũi mày râu Tiên Rồng
 Dân ta vẫn anh hùng chí khí,
 Giữ tinh thần đạo lý nêu cao.
 Dù nguy dù biến thế nào,
 Nghìn năm nô lệ chí cao vẫn còn.
 Dân ta đã tận cùng đau khổ,
 Cụ không thương sao nữa giết a ?
 Cụ cười : — Con chớ lo xa !
 Đất Việt còn đó, Dân ta vẫn còn !
 Là giòng dõi Lạc-Hồng thừa trước,
 Trải nhiều phen mất nước nguy nan
 Mấy lần diên đảo giang san,
 Giống nòi diêu đứng dân gian khổn cùng.
 Bao thế hệ anh hùng tử trận,
 Chôn bấy nhiêu uất hận non sông,
 Thương cho con cháu Tiên Rồng !
 Bị lầm số kiếp vào vòng lao lung !

Nhưng ta đã tháo tung xiềng xích,
 Kẻ hại dân, ta giết không còn,
 Kìa sông, kìa núi, kìa cồn,
 Đất ta còn đó, còn hồn linh thiêng.
 Trên thế giới còn riêng giống Việt,
 Ta còn cho sống miết muôn năm.
 Dân ta kẻ triệu hăm lăm,
 Ta tiêu diệt bớt, còn năm vạn người.
 Ta quét sạch những loài ô trược,
 Kẻ buôn dân, bán nước, bán trời,
 Còn năm vạn sống trên đời,
 Sẽ gây giống mới loài người tương lai,
 Cho tản mác Đông Tây Nam Bắc,
 Giống Rồng Tiên reo rắc đó đây,
 Cho đời tái tạo sau này,
 Năm châu đông đúc một loài Dân ta.
 Nào đàn ông, đàn bà, con trẻ,
 Rống Dân ta vui vẻ khắp nơi.
 Hòa Bình hạnh phúc đời đời,
 Sống trên hoàn vũ giống người tự do.
 Loài người mới ăn no mặc ấm,
 Hết tham tàn, xâm lấn, giết nhau,
 Thiên đàng cực lạc năm châu,
 Muôn muôn thế hệ về sau thanh bình.

Cụ nói xong thành linh biến mất.
 Nàng và tôi bốn mắt nhìn nhau.
 Bỗng trời đổ trận mưa ngâu,
 Nàng, tôi, hóa cặp bồ câu trắng toàn.
 Tôi chấp cánh cùng nàng bay miết,
 Trên non xanh nước biếc nghìn trùng.

Bay về đến cửa Thiên-cung,
 Có cô Tiên đẹp, mắt nhung, đón mừng.
 Tự kiếp ấy, chín từng xanh thắm,
 Nàng và tôi, say đắm yêu nhau,
 Muôn năm chẳng thấy bạc đầu,
 Muôn năm tình chẳng hương màu bạc phai.
 Gió ngào ngọt, vườn trời tươi nở,
 Muôn Hoa Sao rực rỡ muôn màu,
 Nàng, tôi âu yếm nhìn nhau,
 Ấp trong ô mộng mấy câu thơ tình.

Tiếng sấm nổ tan tành giấc mộng !
 Bừng mắt, ôi ! dưới bóng thông reo,
 Một mình ta vẫn nằm queo,
 Quanh mình lá rụng, gió veo, bụi mờ.
 Ngồi buồn chép lại giấc mơ...
 (Đà-lạt 1954)

Chim hấp hối

Một con chim xanh,
 Đang hót trên cành,
 Bỗng vang tiếng súng !
 Con chim xanh xanh
 Lìa cành rớt xuống !...
 Đôi cánh mong manh...
 Thôi, chim chết rồi !
 Máu chảy trên trời,
 Rơi từng giọt đỏ,
 Nhuộm sẫm không gian,
 Rơi từng giọt nhỏ ..
 Loang lổ nắng vàng.

Chim con chết oan,
Chíp chíp kêu van,
Hai chân run rẩy...
Đôi mắt đục ngầu,
Đôi dòng lệ chảy...
Tìm ô chim đâu ?

Tiếng chim lâm ly
Nhìn ta biệt ly,
Nào nùng bi đát !
Thân ôi, chim con
Chết còn muốn hát
Trên nắm cỏ non !

Ta cũng như chim,
Mang một trái tim
Địu hiu, tan tác.
Nặng vết sầu thương
Mà ta vẫn hát,
Hết kiếp tơ vương !

Chim con véo von
Trên cành xanh non,
Vui ca hớn hởi,
Hơi tiếng sùng vang !
Thân ôi, sao nở...?
Hỡi người đã man !

Này đây xác chim-
Lại đây mà xem !
Chim nằm hấp hối...
Hỡi ai, sao đành
Giết loài vô tội,
Giết con chim xanh ?...

*

Hoa phượng

THIẾU-NỮ :

— Trên đường vắng ngập tràn hoa phượng đỏ
Em buồn ngủi không nở bước, anh ơi !
Những cánh hoa hiu hắt rụng ven trời
Chép trong gió mấy lời hoa vĩnh biệt !

Xác hoa rụng phải chẳng hồn hoa chết ?
Sắc hoa tàn, tan tác một đời hoa ?
Bao mảnh tim rỉ máu, lệ chan hòa,
Là những vết thương lòng đang nhức nở.

Gió tàn nhả trút hoa như thác đổ
Trên tóc em, ngập xuống cả làn môi,
Một giấc mơ rời rã, lững lờ, trôi,
Em muốn vớt ôm về chôn nếp áo.

Kéo gió bụi mịt mù trong nắng ảo
Đập vùi hoa, ảo não mảnh hương trinh.
Khách qua đường vội vã, quá vô tình,
Giẫm lên cả hồn hoa trên xác máu !

Gió trời dậy ý nhạc sầu huyền nào.
Em quay về, cô độc, gót băng khuâng...
Sao lòng em tê tái, hỡi Thi-nhân ?

THI-SĨ :

— Tìm em tươi thắm một mùa xuân,
Đắp nhụy đơm hoa chỉ một lần,
Rời đến một mùa tan tác rụng,
Nở vẫn thơ lệ của Thi-nhân.

Từng cánh tim em trôi giữa dòng,
 Như tim phượng vỡ giữa cuồng phong.
 Duyên hoa vẫn đượm màu nhung tuyết
 Trong áng duyên thơ ấp ủ nồng.

Như em đã ước, một chiều hôm,
 Trong nếp nhung y một mảnh hồn,
 Những cánh chim hồng tan tác gió,
 Trao về Đất Mộng mãi tươi thơm !

Em buồn duyên kiếp cánh hoa trôi,
 Mà ngại tình em cũng thể thôi.
 Dừng bước bên đường, em thồn thức,
 Lời tơ xao xuyến lúc chia phôi.

Nhưng lớp tang thương phủ bụi trần,
 Không hề vương nét bút Thi-nhân
 Hương thơ muôn thuở không tàn tạ,
 Hoa mộng nghìn thu một sắc xuân !

THIỆC-XC:

— Đây một nụ hoa tàn, em đã lượm,
 Đề tặng Anh, còn đượm chút duyên hoa.
 Em vẫn buồn, Anh ạ, mấy mùa qua,
 Thấy phượng nở chói lòa trong nắng mộng.

Hồn em xanh như trời xanh lồng lộng,
 Bướm và hoa rung động nở từng bùng,
 Tuổi đương xuân, em muốn mãi là xuân,
 Cùng lứa trẻ, em đón mừng phượng nở !

Nhưng, một chiều, em nghe hoa nước nở
 Trên vĩa đường, em lỡ giẫm lên hoa !
 Cả một chiều, em hối hận, thương hoa !
 Rồi từ đấy, mỗi lần hoa phượng nở,

Bị gió vèo, tan tác vỡ muôn phương,
 Là em nghe trong gió hận đêm trường.

Tim em rụng âm thầm từng cánh vụn...
 Và em sợ cho những tình thơ mộng,
 Hết một mùa phượng nở, gió thu sang,
 Chỉ còn nghe thồn thức giữa trời hoang !

THI-SĨ :

— Những xác hoa trôi, gió phụ phàng,
 Lênh đênh theo gợn sóng thời gian.
 Có nhà Thi-sĩ ngồi trên bến,
 Lượm những màu hoa, gắp phần vàng.

Cả một kho tàng Mộng với Thơ,
 Đầy hương, đầy nhạc, ướp đầy mơ,
 Bốn mùa ấp ủ trong men lệ,
 Trời đầy lừng vang một phím tơ.

Khúc nhạc em nghe réo rất buồn,
 Lời hoa nước nở buổi hoàng hôn,
 Văn thơ vĩnh biệt theo bằng máu
 Của cánh phượng tàn rụng bốn phương.

Là tiếng sầu ngâm vụn cỏ hồn,
 Tình thơ muôn kiếp ý tơ vương.
 Đời em đã vướng duyên thơ lệ,
 Em gỡ làm sao mối hận trường ?

Nhưng lụy tài hoa chẳng bẽ bàng.
 Kiếp đời ngắn ngủi hợp rồi tan,
 Em gom nước mắt đời đau khổ
 Đề ghép văn thơ của thế gian !

(Sai-gòn 1960, Hoàng vũ)

Đêm sầu về

Ta muốn được những cánh tay êm ấm
Ru hồn ta như đứa trẻ trong nôi,
Một quán trọ trong lòng ai êm ấm
Khi lạc loài trên nẻo vắng xa xôi.

Gót phiêu lãng còn vương thề muôn dặm,
Tình nước non chưa cạn hết ly bôi
Sao Bắc-đầu tí mù xa thăm thẳm,
Kiếp tài hoa còn hận mãi chưa thôi.

Bao nhiêu đêm không bến bờ cô quạnh,
Ta âm thầm ôm khúc ánh sao rơi.
Nếu ta biết một khu trời Vạn-hạnh
Trăng không tàn mà hoa cũng không trôi...

Ôi giếng thăm biết bao giờ mới tạnh ?
Nắng muôn chiều đã chết lịm trên môi.
Tìm đọng tuyết, rã rời tan những mảnh,
Đêm sầu về tê lạnh lắm, đêm ôi !

(1960, Hoang vu)

*

Cũng thề thôi

Lắm lúc tôi buồn tôi bảo tôi :
Nói làm chi nhĩ ? Phí lời thôi.
Kệ thấy thời thế, thời là thế.
Trống ngược kèn xuôi, cũng thề thôi !

Tả hữu xun xoe, dờ lắm mòi.
Cũng người xuống chó, kẻ lên voi !

Cũng phờng lời tới năm ba trụ
Múa mép rùm beng, cũng thề thôi !

Bán lợi buôn danh, chặt chợ trời.
Rộn ràng hôm sớm bóng ma trời.
Say sưa ngất ngheo ngày tan chợ
Phủi áo ra về, cũng thề thôi !

Cứ điếc, cứ câm, cứ mặc đời,
Mặc thời, mặc thế, dề buông trôi.
Mặc người khôn dại, còn hay mất,
Ai mất, ai còn, cũng thề thôi.

(Hoang vu)

*

Sài-gòn đêm khuya

Vâng, bạn ạ, bao người đau khổ lắm.
Không cửa nhà, không một chiếc giường rơm.
Và trong lúc chúng ta đều no ấm,
Biết bao người không có một tô cơm !

Bạn có thấy hạng người nghèo khổ,
Những đàn bà, con trẻ, kẻ già nua.
Rách tàn tạ, áo quần gần không có,
Năm đầu đường, dài nắng với dầm mưa.

Những hành khất xác xơ, đầu ủ rũ,
Ngày ngồi xin góc chợ khách đi qua.
Bạn biết tới họ năm đầu dề ngủ ?
Bên bìa thành, trong những bãi tha ma !

Một đêm lạnh, lê kiếp buồn phiêu khách
Giữa Sài-gòn tịch mịch, gió âm u,
Tôi đã thấy một người cha đối rách
Ôm con ngồi trong xó tối hoang vu.

Con với bố che vài ba tấm giấy,
Nấp khe tường, chịu rét buốt tàn thu.
Người run rẩy như lá cây run rẩy,
Tiếng người rên trong tiếng gió vi vu !

Tôi dừng bước xa xa nhìn ngơ ngác,
Kìa bóng ai thấp thoáng bên lùm cây ?
Một thiếu phụ cúi bươi trong đồng rác.
Khúc bánh mì còn được nửa gang tay !

Chị rảo bước vội vàng quanh nẻo vắng,
Chui đầu vô một ống cống bên mương.
Dòm vào đó, tôi thấy hai bóng trắng,
Nằm chèo queo, mình mẩy ốm gò xương !

Hai em nhỏ lạnh run ho muốn ới,
Chị nâng niu gọi dậy : *Con ơi, con !
Này miếng bánh, hai con ăn đỡ đói,
Rồi sáng mai mẹ dắt đi xin cơm.*

Tôi không dám nhìn lâu, lòng trĩu nặng,
Bước đi nhanh trong gió rít đều hiu !
Tôi đi mãi, lang thang, đường vắng lặng,
Giữa Sài-gòn leo lét, ánh hoang liêu !

Sông mù mịt, tôi ngồi bên khóm trúc,
Nhìn lên trời, lấp lánh mấy ngôi sao,
Tôi cảm thấy cả bầu trời ô nhục,
Bờ kiếp người mang hận suốt đêm sâu !

Tôi biết lắm ai ơi, tôi biết lắm,
Nghiep trần ai, ai nhục với ai vinh:
Nhưng phải được mọi người đều no ấm,
Mỗi mái nhà cho mỗi kiếp sinh linh.

Muốn cứu nước, thương dân, đâu phải khó !
Chỉ làm sao cho hết thảy nhân dân
Mỗi bữa đầy tô cơm ai cũng có,
Và mỗi mùa, đủ mảnh áo che thân !

Phải làm sao cho hết người đói lạnh,
Phải làm sao cho hết kẻ bần hàn,
Và làm sao những tâm hồn hiu quạnh
Được niềm vui trong an ủi hân hoan.

Đâu còn có những tiếng kêu rên rĩ
Trong lòng người thành thị với thôn quê,
Nếu tất cả đều tự do hoan hỉ,
Nếu mọi người đều ấm áp no nê !

Đêm nay lạnh, ta ngồi bên khóm trúc,
Nhìn lên trời mờ mịt mấy ngôi sao,
Gió mai mĩa cả bầu trời ô nhục,
Bờ kiếp người mang hận suốt đêm sâu.
(1952, Hoang-vu)

*

Đếm trính

Đêm nay tôi không muốn ngồi gục bên đỉnh trầm
Nghe rượu cười trong ly,
Nhạc quây cuồng trong khói,
Thời gian đọng trên mí.
Tôi muốn về bên giếng tối,
Khu vườn âm u,

Quê hương hoang vu,
 Không một dấu vết.
 Tôi không muốn giẫm lên những mặt trời đã chết,
 Không vương những nắng tơ đã kết
 Vòng hoa trên cổ áo quan tài.
 Đã lạnh rồi, những mùa xuân chết yểu trong thiên-thai !
 Nhặt làm chi những phím hương đồ gầy,
 Màu xám hoàng hôn,
 Màu xanh rợn hoang hồn,
 Hình bóng thời Homère quây cuồng trong nhạc lửa !
 Thôi, vươn lên chi hình hài ẻo lả nữa !
 Tôi không muốn đêm nay cười nghiêng ngửa,
 Tôi đập tung cánh cửa
 Ngạo nghễ của Thành Sầu.
 Tên lính gác nhe răng cười, rừng rợn đôi mắt sâu.
 Đề tôi đi !
 Đề tôi đi !
 Trời không mây, không gió,
 Tôi không áo, không chăn.
 Tôi về quê hương không cửa, không ngõ.
 Tôi về cô phương không lửa, không trăng
 Mịt mù thăm thẳm,
 Mênh mông biên giới của Đêm-trinh !
 Tối đen một giếng thăm.
 Rực rỡ ánh quang minh.
 Tôi với tôi,
 Không hình, không bóng
 Tôi với tôi,
 Không thơ, không mộng.
 Tôi với tôi,
 Lồng lộng giữa Hoang-vu !..

(Đêm giao thừa Nhâm-dần 1962. Hoang vu)

Đêm giao thừa tằm biển

Bè với ta là tình Xuân vạn đại,
 Trời hoa niên năm mới vẫn năm xưa.
 Ta đêm nay lạc nẻo hồn hoang dại,
 Mơ trùng dương vũ nhạc hội say sưa.
 Cởi áo bụi, ngực trần, chân nhẹ bước,
 Ta lao mình trong sóng động lao xao.
 Trên mặt bè, vẫy vùng ta với nước,
 Dưới màn trời lấp lánh ánh muôn sao.
 Bỗng hiện lên, từ thâm cung rợn rã,
 Ồ ! Thướt tha Vệ-nữ nồn nà duyên !
 Nàng lướt sóng, diễm kiều và ẻo lả,
 Đưa hai tay mừng đón khách tân niên.
 Nàng khiêu vũ với ta trên sóng nhạc,
 Ôm quay cuồng theo điệu nhạc âm ba.
 Khúc hòa tấu tung bừng đêm hoan lạc,
 Bọt thủy triều ào ạt nở muôn hoa.
 Từng lớp lớp ba đào từ khơi thăm
 Lơ xô vào nỏ nước hội liên hoan.
 Nàng với ta bơi nhào trong bể tằm,
 Nghịch đùa nhau say đắm tiếng cười vang.
 Nàng bỗng chốc biến mình trong ngân thủy,
 Ta lặn tìm, gọi khắp « Mỹ nhân ơi ! »
 Nàng lại hiện ra dáng hình tuyệt mỹ,
 Nét ngọc ngà uốn lượn giữa chơi vơi.
 Gió trời dậy, chập chờn hai chiếc bóng
 Trôi bênh bồng trên đợt sóng cheo leo,

Nàng với ta bơi đua vào bến mộng,
Ta đuổi nàng trên bãi cát hoang liêu.

Tiếng cười dội cả khu trời rực rỡ,
Nàng sa chân, vấp một mảnh sao rơi.
Ta cũng ngã trên thân mình Ngọc-nữ,
Nàng với ta ôm xiết chặt đôi môi.

Biên hồi hộp nhịp hòa cùng hơi thở,
Đêm giao thừa ngào ngạt gió hương say.
Nàng khẽ bảo :

— «Người yêu em muôn thuở!

Về Thi-sơn, sao lạc lối đêm nay?

Thôi đừng hỏi, hỏi nàng Thơ điểm lệ!
Ta mang đầy huyết lệ, mạch suy tư,
Mong hàn bớt những vết sâu thể hệ,
Mà than ôi, thơ mộng chỉ phù hư!

Hàn gắn được những vết thương nhân loại,
Có ái tình là nghệ thuật cao siêu,
Sâu thể hệ vẫn là sâu vạn đại.
Chỉ Tình-yêu là gắn lại tình yêu.

Ta sống giữa loài người tham bạo quá,
Làm được chi với một mảnh tim đơn?
Bao nhiêu kẻ lộng hành ngôi vương bá,
Bao nhiêu người quì sụp đề xin ơn.

Ai giàu có cậy kim tiền thế lực,
Ai cúi lòn giành giật bỏ phù vinh.
Muôn triệu kẻ sống bần hàn cơ cực,
Muôn triệu người cam khổ kiếp ba sinh!

Chia phe đảng tranh quyền, tham lợi lộc,
Ai cầm thù, cướp bóc, rửa nguyên nhau.
Ai là chúa, ai là người nô bộc,
Ai vui cười, ai khóc lóc rên đau:

Ta biết vậy chỉ ghi vài nét bút
Đề muôn đời những vết hận bi thương.
Nhưng chán nản, có những giờ những phút
Muốn đắm hồn trong « khúc nhạc trùng dương ».

Giờ Giao-thừa xa xa tròng pháo nổ,
Lửa lập lòe bên cửa bể Nha-trang.
Gà sức gáy nửa đêm như mớ ngủ,
Chuông chùa ngân, từng tiếng dội không gian.

Bỗng Vệ-nữ nắm tay tôi ngồi dậy,
Đột sóng vừa bờ đến vượt chân tôi.
Nàng cúi xuống hôn tôi, rồi vụt chạy,
Lướt ngọn triều, mờ mịt tít xa khơi.

Tôi bơi theo ra giữa vùng bể rộng,
Nàng biến đâu? Ôi quạnh quẽ mông lung.
Nàng đã lặn trong ba đào xáo động?..
Nàng đã về trong Thủy-điện thâm cung?..

Tôi còn đứng ngẩn ngơ trong ánh bạc,
Vùng Thái-dương hé mở cửa Tân-niên.
Sóng bình minh dâng đầy mâm Hoa-nhạc,
Ngát hương sâu phảng phất mộng giao duyên!

(Trên bãi bể Nha-trang
đêm Giao thừa 1951)

Hoa lệ

Tôi không biết ngày nay tôi mấy tuổi,
 Mấy đoạn trường trôi nổi kiếp hư sinh.
 Giống như xưa chàng Do-thái phiêu linh
 Vác Thập-ác đi hoài trong đêm tối,
 Tôi cũng bị dọa dầy, trời bắt tội
 Mang tròn tim một khối nặng Tình-thương.
 Bóng lữ hành đây đó khắp tha phương.
 Gieo trong gió, trong sương, đầy ngấn lệ.
 Nhưng tuy đã trải qua hai thế hệ,
 Bước phong trần còn đượm nét niên hoa.
 Mạch sầu Xuân còn réo rắt chan hòa
 Cùng cây cỏ vẫn vương tình ưu ái.
 Còn Xuân mãi, tôi vẫn còn Xuân mãi.
 Trong tim tôi lồng lộng một trời Xuân.
 Xuân thanh trinh bát ngát đẹp vô ngần,
 Xuân huyền diệu dệt toàn Hoa với Lệ.
 Mộng huyền ảo nào nùng hơn thực tế.
 Tim Tình-yêu đề chỉ gặp Đau-thương.
 Kết duyên Xuân, như đề nỗi hận trường.
 Xây hạnh phúc ; đắp bức tường ảo vọng !
 Xuân đẹp nhất không thua bằng tơ mộng,
 Không rung lên những nhạc điệu huyền mơ.
 Xuân rạt rào trong tĩnh mịch suy tư,
 Trong nước mắt âm thầm rơi mỗi giọt...
 Những thiếu nữ đêm Xuân năm trăm trọc,
 Buồn cô đơn, tủi phận, khóc hờn duyên ;
 Những chàng trai thất nghiệp, túi không tiền,
 Đi thất thểu chiều Xuân trên vỉa phố,
 Xuân là đấy, Bạn ơi ! Xuân đau khổ,
 Xuân ghen ngào trong cỏ, ú trong tim...

Những đoàn người trí thức, đáng dự hiền
 Cương mặt sáng, đôi mắt ngời rực rỡ,
 Phải lam lũ làm quanh năm khổ sở,
 Không đủ nuôi cha, mẹ, vợ, con, em.
 Những công nhân quần áo rách, củ mèm,
 Mấy ngày Tết có đâu nem với gỏi ?
 Ở túp lá bị mưa dầm nắng dọi,
 Ăn cà, dưa, nhiều bữa đói không cơm.
 Kê đi xin, như những xác không hồn,
 Năm hấp hối đêm Giao-thừa góc phố.
 Xuân là đấy, Bạn ơi, Xuân đau khổ
 Xuân âm thầm của vô số sinh linh !
 Xuân đau hiu của muôn vạn gia đình,
 Xuân tang tóc của những nàng quả phụ.
 Xuân lạnh lẽo trên những mồ vô chủ.
 Những vong linh các Tử-sĩ anh hùng.
 Dem máu xương đền nợ cho Non-sông,
 Không hương khói sưởi oan hồn chín suối !
 Xuân là đấy, Bạn ơi ! Xuân buồn tủi
 Xuân liên hoan nước mắt với mồ hôi
 Xuân hoa đăng của khói lửa bụi ngùi,
 Xuân khiêu vũ,
 Giữa kịch trường Thiên-Vạn-Hận... !
 Xuân là đấy, bẽ bàng ! Xuân bất tận.
 Mạch Xuân trào trên nét bút say sưa.
 Hương Xuân nay còn ngào ngạt Xuân xưa.
 Nửa thế kỷ vẫn một mùa Xuân ấy !

(Hoàng vu 1950)

Phở Thông mười năm cảm nghĩ (1)

Mười năm, chỉ mới bước đầu thôi,
 Nghiệp chướng đành mang hết nợ đời.
 Buồn chán nhân tâm toan bỏ mặc,
 Ngậm ngùi bút hận khó buông trôi.
 Trời già muốn dờn, ừ cho dờn,
 Sức trẻ còn bơi, vẫn cứ bơi.
 Lánh bọn văn nô, phường xảo trá,
 Gắng thành nhiệm vụ chín mươi mươi.



Thơ trào phúng

Hoa hồng Việt-nam

Một tờ báo có đăng tin các bác sĩ Phi-luật-tân vừa tuyên bố một số quân nhân Phi đã bị gài diêm Việt-nam truyền cho một chứng bệnh cực kỳ nguy hiểm. Các bác sĩ Phi đặt tên chứng bệnh ấy là:

« Hoa hồng Việt-nam »
 Huyền diệu quá, viết ngược ngoặc vài câu gởi gắm cho ông bệnh nhân Phi-luật-tân mắc chứng ác ôn và các cô gái diêm:

« Hoa hồng Việt-nam ! »

« Hoa hồng Việt-nam ! »

Này các cô ơi, « Hoa hồng Việt-nam » là cái giống hoa gì.

1) Bài thơ trên đây Nguyễn Vỹ cảm tác nhân ngày kỷ niệm Phở Thông tạp chí năm thứ 10 (5-11-1967).

Mà bạn Đồng-minh Ma-ní bịt mũi, trở mắt, xăm xì hoảng hốt
 kêu rên ?

« Hoa hồng Việt-nam », ai trồng, ai cấy, ai gieo ?

Ai vun, ai bới, ai tưới, ai xới, ai tâng tiu hồi nào ?

« Hoa hồng Việt-nam » lấy giống từ đâu ?

Giống Mỹ, giống Úc, giống Tây Âu hay Nhật-bồn, Đại-hàn ?

« Hoa hồng Việt-nam » phải chăng là « hoa » Huệ « hoa » Lan ?

« Hoa » Sương, « hoa » Tuyết, « hoa » Yến, « hoa » Loan, hoa
 diêm, hoa dâng.

« Hoa » Đô-la, hoa Bạc, chín mươi ngàn một hoa ?

Xưa nay sao không có giống hoa ấy ở vườn nhà,

Giờ đây nó mọc trên các toà nhà bin-dinh ?

Trong các đồng bùn sinh,

Trong các ngò hèm, nhà lá, hôi rình mùi «hoa» ?

« Hoa hồng Việt-nam » ối mẹ ! ối cha !

Nó là cái giống hoa gì ?

Nước Nam mình đâu có giống hoa ghê tởm kỳ lạ, Bà Nội ơi !

Giống hoa độc địa, ai nhập cảng vào đất Việt của tôi ?

Rồi ai vu cho Việt-nam tôi sản xuất,

Úi chao ôi, tui hận, tui tức,

Tui bút rút,

Tui hậm hực,

Tui ậm ực,

Tui uất,

Tui uất lắm,

Ở trời ơi là trời :

(Báo Tin sớm số 809 ngày 14-8-1967)

Hài nhi lai Mẻo vớt trôi sông...

Báo Tin Sớm số thứ hai 4-9,
 Đăng một tin ở Ấp Tân-sanh,
 Một hài nhi lai Mẻo sơ sanh,
 Bị vớt bỏ, trôi bập bềnh trên sông rạch.
 Tội xác bé máu me chưa sạch,
 Một đùm nhau chưa cắt, dính tùm lum !
 Đồng bào ta trông thấy xót thương giùm,
 Vớt xác bé đem trao cùng bệnh viện.
 Rồi bác sĩ khẩn nghiệm.
 Rồi cảnh sát truy tìm.
 Ai người mẹ nhẫn tâm làm tội ác ?
 Riêng Diệu-Huyền nghĩ : mấy ông Cảnh sát
 Truy tìm ai ? Lục soát kiếm đâu ra ?
 Hỏi biết ai nhân chứng trước quan tòa ?
 Chiến tranh đó mới chính là thủ phạm.

Nói ra, càng hôi hám,
 Việt-nam có chán vạn đứa con lai ?
 Hăm mấy năm chinh chiến quá lâu dài,
 Muôn, ức, triệu, trẻ lạc loài, vô tổ quốc !
 Nào lai Mỹ, lai Phi, lai Tàu, lai Úc,
 Lai Đại-hàn, lai Thái, lúc nhúc lai... và lai.
 Đứa mũi cao, đứa mũi xẹp,
 Đứa mình ngắn, đứa mình dài,
 Đứa tóc đỏ lai rai,
 Đứa tóc quăn xoăn xoăn ;
 Đứa trắng nõn trắng nõn,
 Đứa đen thui như củi cháy !
 Đứa oe oe dưới mái tôn.
 Đứa rơi rớt trong cầu thang máy.

Muôn, ức, vạn, đứa hài nhi ấy,
 Khắp nước Nam từ vĩ tuyến 17 đến Cà-mau,
 Dân quốc tế đủ các sắc, các màu,
 Mượn đất Việt để chôn nhau cất rún,
 Chúng đang sống hàng bà làng, hồ lớn,
 Vì Chiến-tranh, cha của chúng, là tên.
 Và Chiến-tranh là thủ phạm, cho nên...
 « Thôi, bỏ đi tám » nói càng thêm tức giận !...
 (Tạp chí Phổ thông số 200 ngày 1-10-1967)

*

Diệu-Huyền không hoan nghênh ông Thiệu câu cá

Sau hôm đắc cử Tổng-thống, các báo Việt và
 ngoại ngữ, có đăng hình Trung-tướng
 Thiệu đi câu cá trên bãi biển
 Vũng-lâu, vui mừng câu
 được con cá thật to •

Huyền cười : « Ông Thiệu đi câu,
 Cá ăn đứt nhợ, vênh râu ngồi bờ ».
 Hóa ra ông Thiệu phất cờ
 Về dinh Tổng-thống, thắng mười ông kia.
 Bây giờ nhẫn nại râu ria,
 Ông Thiệu đắc cử đã « xuya » một trào.
 Ông bay ra biển Vũng-tàu,
 Câu xem thời vận : một xâu cá kèn.
 Thế là vận số ông hên,
 Trời cho ông được, ông lên cầm đầu
 Miền Nam một giải đất màu,
 Giang sơn gấm vóc, đất giàu, dân đông.
 Nhưng mà, ông hơi là ông,
 Việc ông câu cá, Huyền không tán thành.

Cá với nước là duyên lành,
 Cá sống trong nước, tung hoành cá bơi.
 Thả mồi bắt cá, ông chơi,
 Dề thân cá chết ông ơi, sao đành !
 Cá nằm trên thớt hôi tanh,
 Tội cho thân cá, khổ tình xiết bao !
 Thà rằng « ông Liễu đi câu
 Cá ăn đứt nhựt vênh râu ngời bờ »
 Chứ ông giống trống phất cờ
 Ra oai gìn giữ cõi bờ giang san.
 Nỡ nào ông lại giết oan
 Con tôm, con tép, con nang, con còng,
 Cái Huyền tha thiết xin ông
 Thương loài cá biển, cá sông, chim ngàn.

Chớ câu, chớ bắn, phủ phàng,
 Kẻ sinh oán hận ngập tràn nước non.
 Những loài cạp bố, hùm con,
 Những loài mãnh thú, ác ôn hung tàn,
 Những loài cá mập, cá xà,
 Những loài rúc rĩa, đục nhà khoét hang
 Những loài rắn rít hồ mang,
 Những loài chó sói, sài lang, chuột chù
 Những loài sâu mọt kéch xù,
 Những loài ruồi muỗi bay vù khắp nơi,
 Thì ông cứ giết ông ơi,
 Giết sao cho hết tanh hôi cửa nhà,
 Giết sao cho sạch sơn hà.
 Thì tôi mới phục ông là đáng khen.
 Diệu-Huyền phận gái dốt hèn.
 Không sức mảy, cũng hết mình hoan hô
 Chư bây giờ,

Dù ông câu được món lời to,
 100 con cá chẻm, 1000 lô cá kiềm.
 Hay là ông cỡi ngựa kim
 Lên rừng bắn được đôi chim Đại-bàng
 Thì tôi chẳng dám khen càng
 Thương chim, thương cá, phủ phàng, ông ơi !
 (Tạp chí Phổ thông số 200 ngày 1-10-1967)

*

Dâng đức Không-tử

(Sái-gòn : Tổng-hội Không học
 Việt-nam cho phối hợp với Bộ
 Văn-hóa tổ chức Khánh-dân
 Không-tử vào hồi 10 giờ sáng
 thứ năm 28-9 tại Viện Quốc-gia
 Âm-nhạc, 12 đường Nguyễn Du
 Sái-gòn.)

Diệu-Huyền cúi lạy Đức Không-tử
 Ngại tha cho con tội « yêu thư yêu ngôn »
 Nhưng niệm « lễ nghĩa » con vẫn giữ,
 Rất kính phục Ngài là bậc Thánh-nhơn
 Triết lý của Ngài bao la trời biển
 Đạo đức của Ngài đoan chính thanh liêm
 Thanh thể của Ngài ngàn thu vĩnh hiên,
 Uy danh của Ngài vạn đại tôn nghiêm

Nay ngày Thánh-dân
 Tệ nữ Diệu-Huyền
 Dâng Ngài điều trần một bản
 Dĩ thực tế vi tiên

Huyền cúi đầu, hễ, kính cụ Không Khâu,
 Thế hệ hai mươi, hễ, thời đại hỏa tiễn,

Dọt sống mới, hề, loạn xì xà ngẫu,
 Thụ thụ rất thân, hề, nam nữ biểu diễn
 Tam cương ngũ thường, hề, gió cuốn mất tiêu
 Quân thần tan nát, hề, hưởng chi phụ tử
 Phu phụ rời rạc, hề, như bọt như bèo,
 Tứ đức tam tông, hề, kẻ chi khai tử
 Gái « mini jupe » hề, « dê-con-lờ-tê »
 Hở ngực hở đùi, hề, cho đàn ông ngắm,
 Cỡi xe Honda, hề, chạy bay vắng tẻ,
 « Xi líp, xu chieng » hề, nhảy ra biển tắm
 « Xi-ti-uây, » (C.T.Y.) hề, cho không tình yêu,
 Gái bán Bar, hề, đeo theo ngoại kiều,
 Cười toe toét, hề, đủ đa đủ dởn,
 « Ô-kê Sa-lem » hề, tự đắc hiu hiu,
 Gái 14, 15 hề, trốn nhà theo trai,
 Trai 16, 17 hề bất tuân phụ mẫu
 Học trò cao bồi, hề, cầm dao đâm thầy
 Bằng hữu chi giao, hề, như mã cầu,
 Hành chánh, hề, ăn hối lộ lu bù.
 Ứng cử Tổng-thống, hề, cò động láo toét,
 Lừa bịp dân chúng, hề, tưởng đâu dân ngu
 Ham uy quyền, hề, dè đục khoét,
 Cộng-sản lợi dụng, hề, xã hội rối ren,
 Tình hình xôi thịt, hề, thối nát, ôi thối nát,
 Tuyên truyền phá rối, hề, chánh trị leng beng,
 Gây khủng bố, hề, lựu đạn tàn sát-

Thế cho nên,
 Huyền lạy Ngài Khổng-tử,
 Ước mong Ngài tái sinh,
 Đề Ngài tề gia trị quốc thử,
 Cho thiên hạ hòa bình.

Họa may có Ngài chinh huấn,
 Cứu quốc cứu dân.
 Mới mong đời Nghiêu, Thuấn
 Hòa bình, hạnh phúc, vân vân...!

(Tập chí Phổ thông số 201 ngày 15-10-1967)

*

Bà hỏa viếng Bộ Văn-hóa Giáo-dục

« 3 giờ chiều ngày 29-9, thành lịnh có lửa phát cháy dữ dội tại
 tầng lầu 4 của Bộ Văn-hóa Giáo-dục ở số 7, đường Thông-
 nhất. Một lúc sau, đội Cứu hỏa đến dập tắt được ngọn lửa... »

Nghe tin trên đây đăng trong các nhật báo Sài-gòn
 Diệu-Huyền tức giận mắng bà Hỏa :

Bá ngọc bà thần Hỏa
 Dám đốt Bộ Văn-hóa,
 Hà ?

Đề ông Tổng Ủy-viên
 Hết hồn... sợ tá hỏa !
 Hà ?

Đốt đâu không giỏi đốt
 Lại đốt Bộ Văn-hóa,
 Hà ?

Nơi óc não tài hoa,
 Toàn Thi-hào, Thi-bá,
 Hà ?

Nơi tụ họp tao nhã
 Của các đại ký giả
 Của các đại văn nhân
 Và các đại học giả,
 Sao dám đốt ra tro,
 Láo thế, bà Thần Hỏa,
 Hà ?

Bốn ngàn năm văn hóa
 Lừng lẫy Đông-nam Á
 Có người Tông Ủy-viên
 Tài cao như Hy-mã,
 Trí rộng như biên cả,
 Hà ?

Đại diện nước Việt-nam,
 Thật là đại danh giá,
 Hà ?

Vậy mà dám đốt càn,
 Xạc-cờ-rê-cu-sơn cái bà Hỏa !
 Hà ?

(Tập chí Phổ Thông số 201 ngày 15-10-1967)



Vài nét phác họa về Tao-đàn Bạch Nga của Nguyễn Vỹ

Đề các bạn có một ít ý niệm về Trường Thơ Bạch Nga, chúng tôi xin trình bày sơ lược sau đây :

- 1) *Người chủ xướng* : Nguyễn Vỹ.
- 2) *Xuất xứ* : Đêm Trung-thu năm Bính-tý (30-9-36), trên một gác trọ ở Khâm-thiên (Hà-nội), Nguyễn Vỹ, Trương - Từu. Mộng - Sơn thành lập *Tao đàn Bạch Nga*, một trường thơ có tính chất và nghệ thuật khác với thơ lúc bấy giờ.
- 3) *Biểu hiệu tượng trưng* : Lấy hình một loài thủy điều, Pháp gọi Le Cygne (thiên nga). Đề tránh lầm lẫn Hắc Nga, Bạch Nga, nhóm quyết định lấy tên Bạch Nga (loại toàn trắng).
- 4) *Ý nghĩa biểu hiệu* : Tượng trưng cho Thi-văn thuần túy, tinh khiết như màu trắng của nó, uyển chuyển như dáng điệu của nó.
- 5) *Tinh thần của Thơ* : Chuộng sự tự nhiên cảm xúc mà phát xuất từ tâm hồn thi nhân, như dòng suối trong vắt từ mạch nguồn tinh khiết chảy ra. Từ những tình cảm tha thiết, thâm kín trong nội tâm, chuyển qua các phù trầm của số kiếp con người, của toàn

thề nhân loại, và vươn lên hòa hợp với
về thanh tao huyền bí của vũ trụ.

- 6) *Hình thức và nhạc điệu Thơ* : Hạn định từ 2 chữ đến
12 chữ. Lấy điển hình như bài : *Tiếng*
sáo đêm khuya, Đêm giao thừa tám biển,
Cảm ơn Ngài, Gửi Trương-Tửu trong tập
thơ *Hoang vu*.

(Trích trong *Tuyên ngôn của Tao - đàn*
Bạch Nga làm tại Sài-gòn, mùa thu 1962)

